

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 204/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 11 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ngọc Hồi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định Quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 và các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ngọc Hồi;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 135/TTr-STNMT ngày 20 tháng 4 năm 2023 và đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi tại Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 (kèm

theo Thông báo số 260/TB-HĐTD ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Thẩm định quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện về việc thông báo kết quả thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ngọc Hồi; Nghị Quyết số 04/NQ-HĐND ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Ngọc Hồi về việc thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ngọc Hồi và hồ sơ)⁽³⁾.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ngọc Hồi, với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch: 83.936,25 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp có diện tích là: 77.334,93 ha.
- Đất phi nông nghiệp có diện tích: là 5.261,18 ha.
- Đất chưa sử dụng có diện tích là: 1.340,14 ha.

(Chi tiết có Biểu số 01 kèm theo).

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất: 617,27 ha, trong đó:

- Thu hồi đất nông nghiệp là: 541,68 ha.
- Thu hồi đất phi nông nghiệp là: 75,59 ha.

(Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo).

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất: 524,23 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: 523,76 ha.
- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: 0,47 ha.

(Chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo).

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng (đất phi nông nghiệp): 23,19 ha

(Chi tiết tại Biểu số 04 kèm theo).

(Kèm theo báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất)

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác, hợp pháp, thống nhất số liệu, tài liệu với thực tế và theo đúng quy định của pháp luật trong hồ sơ trình Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân

³ Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất tại cuộc họp ngày 08 tháng 5 năm 2023.

dân tỉnh về nội dung thẩm định, tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ, thống nhất của hồ sơ, số liệu, tài liệu và nội dung trình.

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện theo đúng quy định.

2. Thực hiện nghiêm túc kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt nhằm đảm bảo tính thống nhất trong việc quản lý, sử dụng đất đúng theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

3. Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, chỉ được tổ chức thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất khi đảm bảo các quy định của pháp luật, phù hợp với các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng và quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của cấp huyện; tuyệt đối không được hợp thức hoá đối với những diện tích đất vi phạm pháp luật khi giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực hiện thu hồi đất đối với trường hợp dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định đầu tư hoặc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải có văn bản chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 của Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 2 Điều 68 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; đối với các dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 chỉ được thực hiện thu hồi đất khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất.

4. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thu hồi đất đối với các dự án chậm hoặc không triển khai. Có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút các nhà đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng; phát triển du lịch, dịch vụ và thương mại. Kiểm soát chặt chẽ tình trạng tự phát chuyển đổi đất trồng lúa nước sang đất trồng cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản hoặc chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không theo kế hoạch sử dụng.

5. Thực hiện tốt chính sách thu hồi, chuyển mục đích, giao cho thuê đất theo đúng kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chịu trách nhiệm và tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện Ngọc Hồi.

7. Định kỳ hàng quý báo cáo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để theo dõi, tổng hợp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Ngọc Sâm

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
				Thị trấn Plei Kản	Xã Pờ Y	Xã Sa Loong	Xã Đăk Xú	Xã Đăk Nông	Xã Đăk Kan	Xã Đăk Dục	Xã Đăk Ang
2.1	Đất quốc phòng	CQP	339,52	25,17	31,47	139,81	59,12	7,95	71,48	4,53	
2.2	Đất an ninh	CAN	7,33	3,79	0,48	0,10	0,05	0,20	0,23	2,38	0,10
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK									
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	26,50		25,00			1,50			
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	64,80	5,53	53,91	0,01				5,35	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	94,39	12,07	23,08	0,36	1,42	52,18	5,18	0,08	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	22,30		2,70				19,60		
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	137,40	2,54	13,92	4,90	7,50	57,26		3,10	48,18
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.238,57	321,04	275,74	323,86	380,97	175,30	261,66	254,27	245,73
	<i>Trong đó:</i>										
-	Đất giao thông	DGT	1.542,10	175,21	248,72	258,74	283,34	117,04	174,53	154,17	130,34
-	Đất thủy lợi	DTL	107,54		10,50	47,60	9,45	2,27	2,86		34,86
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	9,90	4,39	0,55	0,79	2,30			1,38	0,48
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,30	4,17	0,13	0,24	0,08			0,39	0,30
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	44,39	13,26	5,68	3,66	3,54	2,75	4,83	6,46	4,23
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	14,67			0,12	7,03	3,37	1,97	1,81	0,37
-	Đất công trình năng lượng	DNL	430,23	108,12	4,50	3,35	66,04	44,05	52,41	85,17	66,58

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
				Thị trấn Plei Kản	Xã Pờ Y	Xã Sa Loong	Xã Đăk Xú	Xã Đăk Nông	Xã Đăk Kan	Xã Đăk Dục	Xã Đăk Ang
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,62		0,46					0,16	
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG									
-	Đất có di tích lịch sử - văn hoá	DDT	0,16				0,11			0,05	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	22,88	0,53					22,35		
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,89	1,44		1,84	1,19				0,42
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	49,06	8,11	5,03	7,52	7,89	5,82	2,71	3,83	8,15
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH									
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH									
-	Đất chợ	DCH	6,83	5,81	0,17					0,85	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL									
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,68	1,08	0,35			0,08	0,94	0,23	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,17	3,48		0,69					
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	626,77		166,48	132,19	118,55	46,60	79,18	44,68	39,08
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	220,18	220,18							
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	30,56	17,98	5,20	0,60	1,52	0,69	1,73	2,12	0,71
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	11,86	2,46	6,77	0,33		1,82		0,25	0,22

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
				Thị trấn Plei Kần	Xã Pờ Y	Xã Sa Loong	Xã Đăk Xú	Xã Đăk Nông	Xã Đăk Kan	Xã Đăk Dục	Xã Đăk Ang
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG									
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN									
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.238,85	37,07	29,16	233,65	130,84	126,68	144,02	122,85	414,58
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	194,75	4,16	66,98	51,40	10,87	20,19	40,58		0,56
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,55		0,45			0,10			
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.340,14	3,91	412,88	261,08	9,18	230,50	279,11	34,74	108,73

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
				Thị trấn Plei Kần	Xã Pờ Y	Xã Sa Loong	Xã Đăk Xú	Xã Đăk Nông	Xã Đăk Kan	Xã Đăk Dục	Xã Đăk Ang
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	75,59	7,41	4,66	3,11	0,05	0,25	11,28	25,60	23,23
	<i>Trong đó:</i>										
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,95	0,95							
2.2	Đất an ninh	CAN									
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK									
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN									
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,60		1,50	0,10					
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,20		2,20						
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS									
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX									
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3,65	0,73		1,51		0,20	1,03	0,18	
	<i>Trong đó:</i>										
-	Đất giao thông	DGT	2,53	0,73		1,00			0,80		
-	Đất thủy lợi	DTL									
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH									
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,03							0,03	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	1,09			0,51		0,20	0,23	0,15	

Biểu số 03: KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
				Thị trấn Plei Kần	Xã Pờ Y	Xã Sa Loong	Xã Đăk Xú	Xã Đăk Nông	Xã Đăk Kan	Xã Đăk Dục	Xã Đăk Ang
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(12)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	523,76	98,55	121,04	25,61	53,88	29,72	100,49	24,88	69,59
	<i>Trong đó:</i>										
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	10,06	1,36	0,76	0,89			3,08	0,97	3,00
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>									
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	152,97	24,15	37,94	7,50	16,60	18,49	5,66	13,89	28,74
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	261,30	72,50	75,60	17,19	32,16	6,73	42,27	10,02	4,83
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	15,55		0,50						15,05
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN									
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	83,06	0,30	6,02		5,12	4,50	49,15		17,97
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,82	0,24	0,22	0,03			0,33		

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
				Thị trấn Plei Kần	Xã Pờ Y	Xã Sa Loong	Xã Đăk Xú	Xã Đăk Nông	Xã Đăk Kan	Xã Đăk Dục	Xã Đăk Ang
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN									
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS									
1.8	Đất làm muối	LMU									
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH									
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	23,19		4,52	0,20			0,50	8,34	9,63
	<i>Trong đó:</i>										
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,50						0,50		
2.2	Đất an ninh	CAN	0,11							0,11	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK									
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	1,00		1,00						
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,22		0,22						
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC									
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS									
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	1,22		1,22						
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	20,14		2,08	0,20				8,23	9,63

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính								
				Thị trấn Plei Kần	Xã Pờ Y	Xã Sa Loong	Xã Đăk Xú	Xã Đăk Nông	Xã Đăk Kan	Xã Đăk Dục	Xã Đăk Ang	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL										
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH										
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV										
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT										
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT										
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC										
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS										
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG										
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN										
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON										
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC										
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK										
TỔNG			23,19		4,52	0,20			0,50	8,34	9,63	

Biểu 10/CH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023 HUYỆN NGỌC HỒI

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh						
1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh						
1.1.1	Công trình dự án được chuyển tiếp từ năm 2022 sang thực hiện năm 2023						
1	Nhà trực quản giáo, hỏi cung, thăm gặp và tiếp tế tại Công an huyện Ngọc Hồi	0.30	0.30	0.00	CAN	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 255/QĐ - CAT-PH41 phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nhà trực giáo, hỏi cung, thăm gặp và tiếp tế tại Công an huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.)
2	Đất quốc phòng xã Đăk Kan (Trường bắn, thao trường huấn luyện huyện Ngọc Hồi)	50.00		50.00	CQP	xã Đăk Kan	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trường bắn, thao trường huấn luyện huyện Ngọc Hồi; Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 25/2/2022 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trường bắn, thao trường huấn luyện huyện Ngọc Hồi)
3	Chốt dân quân thường trực xã Sa Loong	3.00		3.00	CQP	xã Sa Loong	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025)

4	Nhà làm việc công an xã Đăk Dục	0.11		0.11	CAN	Xã Đăk Dục	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Công văn 166/BCA-H2 ngày 26/3/2022 về việc quy hoạch, bố trí quỹ đất an ninh để xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Bộ Công an trên toàn quốc)
5	Nhà làm việc công an xã Đăk Nông	0.20		0.20	CAN	xã Đăk Nông	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Công văn 166/BCA-H2 ngày 26/3/2022 về việc quy hoạch, bố trí quỹ đất an ninh để xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Bộ Công an trên toàn quốc)
6	Nhà làm việc công an xã Đăk Ang	0.10		0.10	CAN	xã Đăk Ang	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Công văn 166/BCA-H2 ngày 26/3/2022 về việc quy hoạch, bố trí quỹ đất an ninh để xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Bộ Công an trên toàn quốc)
7	Nhà làm việc công an xã Sa Loong	0.10		0.10	CAN	xã Sa Loong	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Công văn 166/BCA-H2 ngày 26/3/2022 về việc quy hoạch, bố trí quỹ đất an ninh để xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Bộ Công an trên toàn quốc)
1.1.2	Công trình, dự án đăng ký thực hiện trong năm 2023						
8	Nhà làm việc công an xã Pờ Y	0.09		0.09	CAN	Xã Pờ Y	KHSDD 2023 (Công văn 166/BCA-H2 ngày 26/3/2022 về việc quy hoạch, bố trí quỹ đất an ninh để xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Bộ Công an trên toàn quốc)
9	Đất quốc phòng xã Đăk Nông	7.95		7.95	CQP	xã Đăk Nông	KHSDD 2023
10	Nhà làm việc công an xã Đăk Kan	0.23		0.23	CAN	Xã Đăk Kan	KHSDD 2023 (Công văn 166/BCA-H2 ngày 26/3/2022 về việc quy hoạch, bố trí quỹ đất an ninh để xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Bộ Công an trên toàn quốc)
11	Nhà làm việc công an xã Đăk Xú	0.05		0.05	CAN	xã Đăk Xú	KHSDD 2023 (Công văn 166/BCA-H2 ngày 26/3/2022 về việc quy hoạch, bố trí quỹ đất an ninh để xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Bộ Công an trên toàn quốc)

12	Nhà làm việc công an thị trấn Plei Kần	4.17		4.17	CAN	TT Plei Kần	KHSDD 2023 (Công văn 166/BCA-H2 ngày 26/3/2022 về việc quy hoạch, bố trí quỹ đất an ninh để xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Bộ Công an trên toàn quốc)
1.2	<i>Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, cộng đồng</i>						
1.2.1	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất						
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất						
2	Các công trình dự án còn lại						
2.1	<i>Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất</i>						
2.1.1	<i>Công trình dự án được chuyển tiếp từ năm 2022 sang thực hiện năm 2023</i>						
13	Nhà máy sản xuất dây thun cao su xuất khẩu (Công ty TNHH MTV Vận tải Minh Khôi Ngọc Hội) (Trong Cụm CN Nông Nhày II)	1.50		1,50	SKN	xã Đăk Nông	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 19/QĐ-BQLKKT ngày 17/2/2022 của BQLKKT tỉnh)
14	Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	25.00		25.00	SKN	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 19/QĐ-BQLKKT ngày 17/2/2022 của BQLKKT tỉnh QĐ 1213/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh Ban hành đề án Phát triển KKT, các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, có tính đến 2030)
15	Dự án khai thác đá Secpentic	2.70		2.70	SKS	xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 8/11/2021 của UBND tỉnh Kon Tum V/v bổ sung dự án vào điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Ngọc Hội; Giấy thăm dò số 412/GP-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Kon Tum.)

16	Dự án khai thác vàng gốc (2 mỏ)	19.60		19.60	SKS	xã Đăk Kan	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 6/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030)
17	Đường lên cột mốc biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia	15.00		15.00	DGT	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/10/2021 của HĐND tỉnh về việc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum (kinh phí 34.460 triệu đồng)
18	Đường nội bộ khu đấu giá (khu bệnh viện cũ)	0.50		0.50	DGT	Thị trấn Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ngọc Hồi (Kinh phí 1.990 triệu đồng)(Tọa độ (1): 1625122,48 519582,64; (2): 1625246, 519616,87; (3): 1625255,69 519619,56; 4: 1625489,25 519684,27; (5): 1625555,82 1972,72))
19	Đường trung tâm phía Nam thị trấn Plei Kần	12.00		12.00	DGT	TT Plei Kần, xã Đăk Xú	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Kon Tum)
20	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ Quốc lộ 40 vào cửa khẩu Đăk Kôi -Kon Tuy Neak (Việt Nam - Cam Pu Chia)	2.90		2.90	DGT	xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp
21	Công trình đường vào chợ xã Pờ Y	0.05		0.05	DGT	xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Kế hoạch đầu tư công năm 2021 của huyện Ngọc Hồi)
22	Đường trung tâm thị trấn Plei Kần (điểm đầu giao tại Km 1485+850 đường HCM, điểm cuối giao với Km1489+500 đường HCM)	19.20	3.41	15.79	DGT	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng Công trình: Đường trung tâm thị trấn Plei Kần (điểm đầu giao tại Km 1485+85 Đường Hồ Chí Minh, điểm cuối giao tại Km 1489+5 đường Hồ Chí Minh))

23	Đường Hoàng Thị Loan nối dài	1.43		1.43	DGT	TT Plei Kân, xã Đăk Xú	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ngọc Hồi (Kinh phí 5.000 triệu đồng))
24	Mở rộng đường bao phía tây thị trấn Plei Kân (điểm đầu giao với đường Nguyễn Văn Linh, điểm cuối giao tại Km0+882,5 đường bao phía Tây)	0.30		0.30	DGT	TT Plei Kân	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ngọc Hồi (Kinh phí 9.000 triệu đồng))
25	Dự án hỗ trợ phát triển KT-XH dân tộc thiểu số rất ít người Brâu, thôn Đăk Mế - đường giao thông	5.25		5.25	DGT	xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình: Xây dựng các công trình thực hiện Đề án “Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội dân tộc thiểu số rất ít người Brâu tỉnh Kon Tum đến năm 2025”)
26	Đường liên xã Đăk Ang, Đăk Nông, Đăk Rơ Nga	13.00	2.07	10.93	DGT	xã Đăk Nông, xã Đăk Ang	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định 392/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc giao triển khai chủ trương đầu tư dự án; Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ngọc Hồi (Kinh phí 160.000 triệu đồng))
27	Khắc phục sửa chữa đường lên chốt dân quân thường trực Pờ Y	0.50	0.08	0.42	DGT	xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (QĐ 2682/QĐ-UBND ngày 3/12/2021 của UBND huyện phê duyệt chủ trương nâng cấp sửa chữa đường lên chốt dân quân thường trực xã Pờ Y; Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 (Kinh phí 1.400 triệu đồng))

28	Khắc phục đoạn sạt lở mái taluy dương và nền mặt đường N5 - KKT CKQT Pờ Y.	2.00		2.00	DGT	TT Plei Kần, xã Đăk Xú	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Công văn số 3888/UBND-KTTH ngày 15/11/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc chủ trương sử dụng nguồn thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trong khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Pờ Y)
29	Quốc môn cửa khẩu Quốc tế Pờ Y, tỉnh Kon Tum	1.00		1.00	DGT	xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 8/12/2020 Về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Quốc môn Cửa khẩu quốc tế Bờ Y, tỉnh Kon Tum)
30	Dự án hỗ trợ phát triển KT-XH dân tộc thiểu số rất ít người Brâu, thôn Đăk Mế_ công trình thủy lợi	2.17		2.17	DTL	xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Kon Tum) Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình: Xây dựng các công trình thực hiện Đề án "Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội dân tộc thiểu số rất ít người Brâu tỉnh Kon Tum đến năm 2025"
31	Kênh nhánh cấp 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi Đăk Long 1, huyện Ngọc Hồi	1.50		1.50	DTL	xã SaLoong	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 489/QĐ-BNNCTCL ngày 19/1/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án: Thiết kế BVTC-DT, KH lựa chọn nhà thầu hạng mục Kênh nhánh cấp 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi Đăk Long 1)
32	Hiện đại hóa thủy lợi trên địa bàn huyện Đăk Tô - Ngọc Hồi thuộc dự án "Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu"	13.80		13.80	DTL	xã Sa Loong	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị quyết số 7/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Kon Tum Về việc đăng ký Danh mục dự án bố trí Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài nguồn NSTW cấp phát giai đoạn 2021-2025 đối với Dự án "Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Kon Tum")

33	Hồ Ia Tun (Dự án Cụm hồ Đăk Rô Gia - Ia Tun)	35.20	0.34	34.86	DTL	Xã Đăk Ang	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 3189/QĐ-BNN-KH, ngày 19/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chủ trương đầu tư Dự án Cụm hồ Đăk Rô Gia - Ia Tun. Tổng mức đầu tư: 1.033 tỷ đồng; Vốn giai đoạn 2021-2025: 510 tỷ đồng; Tiến độ thực hiện từ năm 2023-2026)
34	Nạo vét lòng hồ cung cấp nước cho Nhà máy nước sạch Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Pờ Y (Hồ Lạc Long Quân)	1.83	1.83		DTL	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 111/QĐ-UBND Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nạo vét lòng hồ cung cấp nước cho Nhà máy nước sạch Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (Hồ Lạc Long Quân); Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum kinh phí: 14,850 triệu đồng)
35	Mở rộng bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi	1.24		1.24	DYT	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 26/8/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum về chủ trương đầu tư và bổ sung trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 của dự án đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 3 bệnh viện đa khoa khu vực, trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Kon Tum)
36	Chợ kết hợp trung tâm dịch vụ thương mại	5.20		5.20	DCH	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ngọc Hồi (Kinh phí 3.000 triệu đồng)
37	Nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Đăk Ang, huyện Ngọc Hồi	0.24		0.24	DGD	Xã Đăk Ang	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 5/1/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Chấp thuận bổ sung dự án vào điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Ngọc Hồi)

38	Khu liên hợp thể dục thể thao huyện Ngọc Hồi	7.03	1.40	5.63	DTT	xã Đăk Xú	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/12/22 của UBND huyện Ngọc Hồi)
39	Trạm cắt 220kV Pờ Y và các đường dây 220kV đấu nối từ cụm nhà máy thủy điện Nam Kong 1, 2, 3 (Lào) vào Hệ thống điện Việt Nam	22.65		22.65	DNL	xã Đăk Xú; xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ngọc Hồi (Kinh phí 4.700 triệu đồng); Quyết định số 1214/TTg-CN V/v chủ trương nhập khẩu điện từ Cụm nhà máy thủy điện NamKong 1,2,3 nhà máy thủy điện Nam Emoun (Lào) và các công trình lưới điện 220kV phục vụ đấu nối
40	Thủy điện Plei Kần Hạ	35.57		35.57	DNL	TT Plei Kần, Xã Đăk Kan	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 31/1/2019 của UBND tỉnh Kon Tum quyết định chủ trương đầu tư Dự án: thủy điện Plei Kần Hạ của Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tân Phước Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 của UBND tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Thủy điện Plei Kần Hạ)
41	Dự án nhà máy điện gió Tân Tấn Nhật - Đăk Glei của công ty cổ phần Tân Tấn Nhật.	2.84		2.84	DNL	xã Đăk Dục, xã Đăk Nông	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 8/9/2020 chủ trương đầu tư và công văn 4191/UBND-KTHT ngày 9/11/2020 về thỏa thuận vị trí xây dựng trạm biến áp 110kV và hướng tuyến đường dây 110kV đấu nối nhà máy điện gió Tân Tấn Nhật)
42	Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi (Hạng mục: Thi công xây dựng lưới điện huyện Ngọc Hồi sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi)	16.64		16.64	DNL	xã Đăk Kan, xã Đăk Xú, xã Đăk Ang, xã SaLoong, xã Đăk Dục	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HDND tỉnh Kon Tum)

43	Thủy điện Đăk Pô Cò 1	83.30		83.30	DNL	Xã Đăk Dục, Xã Đăk Ang, Đăk Nông	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
44	Đầu nối đường dây điện (Thủy điện Plei Kần)	2.71		2.71	DNL	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị quyết số 88/216/NQ-HĐND ngày 9/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (Đang thực hiện đầu nối đường dây điện)
45	Nhà thờ Sa Loong	1.84		1.84	TON	Sa Loong	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Văn bản số 143/SNV-TG ngày 22/7/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum)
46	Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn liên hợp huyện Ngọc Hồi	6.80		6.80	DRA	xã Đăk Kan	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định 144/QĐ-UBND ngày 03/03/2021 của UBND tỉnh Kon Tum Về việc điều chỉnh Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Khu xử lý chất thải rắn liên hợp huyện Ngọc Hồi)
47	Nhà máy xử lý rác thải huyện Ngọc Hồi và vùng phụ cận (Công ty CP ECO-H)	14.80		14.80	DRA	xã Đăk Kan, TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp
48	Mở rộng khu dân cư phía Đông thị trấn Plei Kần (Hai bên đường trung tâm TT Plei Kần)	8.00		8.00	ODT	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ngọc Hồi (Kinh phí 5.000 triệu đồng)
49	Dự án xây dựng khu đô thị mới Plei Kần (Khu dân cư mới thị trấn Plei Kần)	30.35		30.35	ODT	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Công trình đã thực hiện xong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đề nghị chuyển tiếp để thực hiện) Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 5/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi về việc triển khai Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 3 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư mới thị trấn Plei Kần.

50	Đề án Khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông khu vực phía Nam thị trấn Plei Kần (Khu dân cư Phía Nam thị trấn Plei Kần)	6.00		6.00	ODT	Thị trấn Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định 2566/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương huyện Ngọc Hồi (Kinh phí 3.300 triệu đồng)
51	Xây dựng trung tâm VHTT phục vụ công nhân lao động và đoàn viên công đoàn kết hợp xây dựng trụ sở làm việc của liên đoàn lao động huyện Ngọc Hồi	0.26		0.26	TSC	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp
52	Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự xã Đăk Kan	1.03	0.75	0.28	TSC	xã Đăk Kan	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 2697/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc phê duyệt chủ trương xây dựng công trình Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự xã Đăk Kan)
53	Trụ sở cơ quan, doanh nghiệp	5.00		5.00	DTS	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Kon Tum; Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 24/10/2014 của UBND tỉnh; Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 24/10/2014 của UBND tỉnh
2.1.2	Công trình, dự án đăng ký thực hiện trong năm 2023						
54	Mở rộng Trường PT DTBT THCS Ngô Quyền	1.20	0.77	0.43	DGD	Xã Đăk Ang	KHSDD 2023 (Nghị Quyết số 22/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phân bổ chi tiết vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình MTQG năm 2022 trên địa bàn huyện Ngọc Hồi(Kinh phí 6.769 triệu đồng)
55	Thủy điện Đăk Roong và đầu nối đường dây 110kV - Trạm Pờ Y 1	17.66		17.66	DNL	xã Đăk Ang	KHSDD 2023 (Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Thủy điện Đăk Roong)

56	Đường vào khu xử lý bãi rác tập trung của huyện	3.00	1.00	2.00	DGT	TT Plei Kần, xã Đăk Kan	KHSDD 2023 (Kế hoạch năm 2023. Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình)
2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất						
2.2.1	Công trình dự án được chuyển tiếp từ năm 2022 sang thực hiện năm 2023						
57	Chuyển mục đích đất nuôi trồng thủy sản (NTS) sang cây lâu năm (CLN)	13.62		13.62	CLN	xã Đăk Kan	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu hộ gia đình cá nhân)
58	Mở rộng mỏ khai thác đá hợp tác xã Vạn Thành	4.00	1.51	2.49	SKX	xã Đăk Nông	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
	Mở rộng sân công nghiệp hợp tác xã Vạn Thành	1.00	0.90	0.10	PNK	xã Đăk Nông	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
59	Khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT (Thanh Ngọc)	2.50		2.50	SKX	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 2/2/2021 Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư khai thác mỏ đá xây dựng thôn I ệc , xã Pờ Y, Tỉnh Kon Tum)
	Sân công nghiệp phục vụ khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT (Thanh Ngọc)	1.12	1.12		PNK	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 2/2/2021 Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư khai thác mỏ đá xây dựng thôn I ệc , xã Pờ Y, Tỉnh Kon Tum)
60	Mỏ cát Minh Khôi	0.90	0.90		SKX	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
	Xây dựng sân công nghiệp phục vụ khai thác khoáng sản làm VLXDĐT	0.10	0.10		PNK	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
61	Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (Công ty TNHH Đức Tiến)	1.00	1.00		SKX	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
62	Khai thác cát làm VLXDĐT (Công ty TNHH 87)	1.84	1.60	0.24	SKX	Xã Đăk Dục	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
63	Đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường (Cty CP khoáng sản Sài Gòn - Pờ Y)	12.30		12.30	SKX	Xã Đăk Nông	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
64	Khai thác đá làm VLXD thông thường (Công ty TNHH xây lắp và thương mại Hoàng Quân)	1.80	1.05	0.75	SKX	Xã Đăk Nông	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)

65	Dự án Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường (2 vị trí)	6.50		6.50	SKX	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
66	Khai thác đất làm VLXD thông thường xã Đăk Xú	4.90		4.90	SKX	xã Đăk Xú	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
67	Khai thác đất làm VLXD thông thường xã Đăk Xú	2.60		2.60	SKX	xã Đăk Xú	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
68	Khai thác đất làm VLXD thông thường xã Pờ Y	3.80		3.80	SKX	xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
69	Khai thác đất làm VLXD thông thường xã Sa Loong	3.50		3.50	SKX	xã Sa Loong	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
70	Điểm trường tiểu học huyện chuyển mục đích sang đất khu vui chơi giải trí	0.51		0.51	DKV	xã SaLoong	KHSDD 2022 chuyển tiếp
71	Cửa hàng xăng dầu Đăk Dục	0.06	0.06		TMD	Xã Đăk Dục	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
72	Cửa hàng xăng dầu Pờ Y	0.11	0.11		TMD	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
73	Cửa hàng xăng dầu Plei Kần 02	0.25	0.25		TMD	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
74	Cửa hàng xăng dầu Plei Kần 01	0.19	0.19		TMD	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
75	Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ thương mại.	0.35		0.35	TMD	Xã Đăk Dục	KHSDD 2022 chuyển tiếp
76	Công trình thương mại, dịch vụ	52.22		52.22	TMD	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Kon Tum; Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 24/10/2014 của UBND tỉnh; Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 24/10/2014 của UBND tỉnh)
76.1	<i>Khu trưng bày, giới thiệu sản phẩm và dịch vụ</i>	<i>1.63</i>		<i>1.63</i>	<i>TMD</i>	<i>Xã Pờ Y</i>	KHSDD 2022 chuyển tiếp
76.2	<i>Đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics, kho bãi, dịch vụ CKQT Pờ Y</i>	<i>12.00</i>		<i>12.00</i>	<i>TMD</i>	<i>Xã Pờ Y</i>	KHSDD 2022 chuyển tiếp
77	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	0.72		0.72	ONT	xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu hộ gia đình cá nhân)
78	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	0.90		0.90	ONT	xã SaLoong	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu hộ gia đình cá nhân)
79	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	0.77		0.77	ONT	xã Đăk Nông	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu hộ gia đình cá nhân)
80	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	0.75		0.75	ONT	xã Đăk Kan	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu hộ gia đình cá nhân)
81	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	0.73		0.73	ONT	xã Đăk Dục	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu hộ gia đình cá nhân)
82	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	0.50		0.50	ONT	xã Đăk Ang	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu hộ gia đình cá nhân)

83	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở đô thị	0.05		0.05	ODT	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu hộ gia đình cá nhân)
2.2.2	<i>Công trình, dự án đăng ký thực hiện trong năm 2023</i>						
84	Chuyển mục đích đất trồng lúa nước còn lại (LUK) sang đất trồng cây hàng năm (NHK)	3.00		3.00	HNK	xã Pờ Y	KHSDD 2023 (Nhu cầu của hộ gia đình cá nhân)
85	Dự án nông nghiệp công nghệ cao trồng cây dược liệu, trồng nấm của ông Trần Văn Thương	2.50	1.20	1.30	NKH	xã Đăk Xú	KHSDD 2023 (Nhu cầu của hộ gia đình cá nhân)
86	Đầu tư cơ sở hạ tầng điểm du lịch cộng đồng thôn Đăk Răng, xã Đăk Dục (GPMB mở rộng khuôn viên và chỉnh trang một số hạng mục...)	5.00		5.00	TMD	Xã Đăk Dục	KHSDD 2023 (Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện Ngọc Hồi)
87	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	2.60		2.60	ONT	xã Pờ Y	Nhu cầu sử dụng đất của địa phương
88	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	0.42		0.42	ONT	xã SaLoong	Nhu cầu sử dụng đất của địa phương
89	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	1.24		1.24	ONT	xã Đăk Nông	Nhu cầu sử dụng đất của địa phương
90	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	0.95		0.95	ONT	xã Đăk Kan	Nhu cầu sử dụng đất của địa phương
91	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	6.65		6.65	ONT	Đăk Xú	Nhu cầu sử dụng đất của địa phương
92	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở đô thị	6.00		6.00	ODT	TT Plei Kần	Nhu cầu sử dụng đất của địa phương
2.3	<i>Các khu vực sử dụng đất khác</i>						
2.3.1	<i>Chuyển tiếp từ năm 2022 sang thực hiện năm 2023</i>						
93	Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thành phố, thành phố của tỉnh Kon Tum (KfW 3.1)	0.08		0.08	DNL	TT Plei Kần, Đăk Kan	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Đăng ký để làm thủ tục hồ sơ giao đất)
94	Đấu giá quyền sử dụng đất Khu bệnh viện cũ - Đường Nguyễn Huệ	0.60			ODT	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định 1571/QĐ-UBND của UBND huyện Ngọc Hồi về việc đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất năm 2021)

95	Đấu giá quyền sử dụng đất Khu dân cư mới - Khu trung tâm hành chính mới huyện Ngọc Hồi	12.70			ODT	TT Plei Kân	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Kon Tum về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Ngọc Hồi để xây dựng công trình Mở rộng khu dân cư trung tâm hành chính mới huyện Ngọc Hồi; Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất số 496/QĐ-UBND ngày 01/4/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi)
96	Đấu giá quyền sử dụng lô đất Đường Nguyễn trung trực - Tô Vĩnh Diện	0.02			ODT	TT Plei Kân	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định 1571/QĐ-UBND của UBND huyện Ngọc Hồi về việc đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất năm 2021)
97	Đấu giá lô đất quy hoạch trung tâm hành chính (Khu dân cư mới)	0.02			ODT	TT Plei Kân	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định 1571/QĐ-UBND của UBND huyện Ngọc Hồi về việc đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất năm 2021)
2.3.2	Đăng ký thực hiện trong năm 2023						
98	Giao đất ở cho cán bộ, công chức, viên chức chuyển nơi công tác theo quyết định điều động của cơ quan có thẩm quyền	0.04	0.04		ODT	TT Plei Kân	Nhu cầu sử dụng đất của địa phương
99	Giao đất các thửa đất nhỏ hẹp do nhà nước quản lý	0.03	0.03		ODT	TT Plei Kân	Tờ 35 thửa 216,217,218 (Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND huyện ngọc hồi về việc phê duyệt danh mục các thửa đất nhỏ hẹp do nhà nước quản lý tại địa bàn thị trấn Plei Kân)
100	Xây dựng trụ sở làm việc công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi	0.22	0.22		DTS	Pờ Y	KHSDD 2023 (Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hồi)
		0.8	0.80		DTS	Đăk Nông	KHSDD 2023 (Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hồi)

101	Thuê đất bổ sung trồng rừng sản xuất của Công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam	16.89	16.89		RSX	Xã Đăk Xú	Công văn số 4308/UBND-NNTN ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thực hiện kết luận thanh tra đối với công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam
		274.35	274.35		RSX	Xã Đăk Kan	
		30.43	30.43		RSX	Xã Đăk Dục	

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẤT VẤN ĐỀ

Đất đai là tài nguyên quý giá của Quốc gia, là tư liệu sản xuất đặc biệt, thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, địa bàn xây dựng các công trình kinh tế - văn hóa - xã hội, tổ chức các hoạt động phát triển kinh tế, dân sinh và an ninh, quốc phòng. Tại Điều 54 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của Quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”. Chính vì vậy quản lý, sử dụng đất đai có hiệu quả, tiết kiệm là nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước, là yếu tố quyết định sự phát triển một cách bền vững của nền kinh tế, đảm bảo mục tiêu ổn định chính trị - xã hội.

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý đất đai. Luật Đất đai năm 2013 nêu rõ nguyên tắc sử dụng đất phải đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy định căn cứ để giao đất, cho thuê đất phải dựa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Thông qua kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã góp phần đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về đất đai. Quy hoạch sử dụng đất ở các cấp giúp nhà nước thực hiện được quyền định đoạt về đất đai, nắm chắc quỹ đất, đảm bảo cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất, chuyên mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa công tác quản lý đất đai ở các địa phương đi vào nề nếp. Đồng thời đảm bảo cho việc chủ động dành quỹ đất hợp lý cho phát triển của các ngành, các lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu đất đai cho xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội, xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị, thương mại, dịch vụ, khu dân cư... góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, giữ vững ổn định tình hình xã hội đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Quy hoạch sử dụng đất đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả, bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1840/STNMT-CCQLĐĐ ngày 07/7/2022; Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện và nhu cầu sử dụng đất trong năm 2023 của các cấp, các ngành trên địa bàn huyện. UBND huyện đã tiến hành xây dựng: **“Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ngọc Hồi”** nhằm xác định diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện, cấp xã trong năm kế hoạch. Đồng thời xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án và diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đối với các loại đất phải xin phép theo đúng quy định.

1. Căn cứ pháp lý thực hiện:

Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/ 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Kon Tum Ban hành bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Quyết định 52/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Kon Tum quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 và các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 địa bàn tỉnh Kon Tum;

Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện Ngọc Hồi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 1 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Ngọc Hồi về việc thông qua quy hoạch sử dụng đất thời 2021-2030 huyện Ngọc Hồi.

Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 07/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 19/05/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Ngọc Hồi;

2. Cơ sở dữ liệu lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023:

- Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2022 huyện Ngọc Hồi được phê duyệt theo Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh Kon Tum;

- Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum theo Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 07/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;

- Báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ năm 2023

- Hồ sơ thống kê đất đai huyện Ngọc Hồi năm 2021.

- Niên giám thống kê năm 2020.

- Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các địa phương trong năm 2023.

* Nội dung báo cáo thuyết minh gồm các nội dung sau:

- Đặt vấn đề

- I: Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.

- II: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

- III: Lập kế hoạch sử dụng đất.

- IV: Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

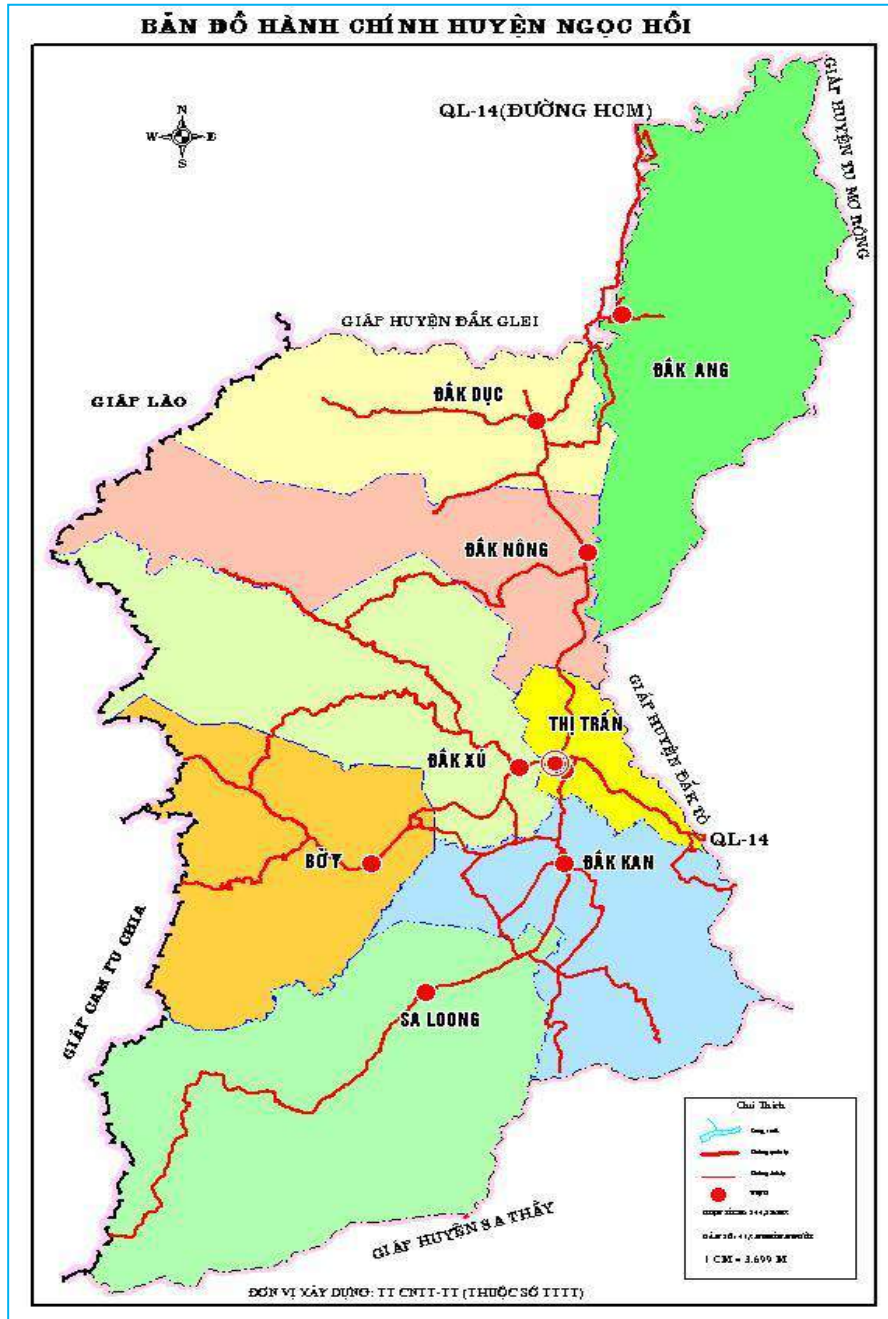
- Kết luận và kiến nghị.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên

1.1.1 Điều kiện tự nhiên

a. Vị trí địa lý:



Huyện Ngọc Hồi nằm về phía Tây Bắc của tỉnh Kon Tum, cách trung tâm thành phố Kon Tum khoảng 60 km theo Quốc lộ 14;

- Tọa độ địa lý:

+ Từ 14°30'10" đến 14°57'10" Vĩ độ Bắc;

+ Từ 107°30'45" đến 107°47'35" Kinh độ Đông.

- Ranh giới hành chính:

+ Phía Bắc: Giáp huyện Đắk Glei;

+ Phía Nam: Giáp huyện Sa Thầy;

+ Phía Đông: Giáp huyện Đắk Tô;

+ Phía Tây: Giáp nước Lào với đường biên giới chung là 34 km và đường biên giới chung với nước Cam Pu Chia là 13km.

Toàn huyện Ngọc Hồi gồm có 8 xã, thị trấn trong đó thị trấn Plei Kần trung tâm hành chính của huyện.

b. Địa hình, địa mạo:

Huyện Ngọc Hồi nằm trong khu vực địa hình núi trung bình và khu vực thấp trũng của tỉnh Kon Tum. Nhìn chung địa hình của huyện cao ở phía Đông - Bắc, Tây - Tây Nam và thoải dần theo hướng Đông Nam. Độ dốc các sườn núi từ 15⁰ đến 25⁰.

Địa hình của huyện được chia thành 3 dạng chính:

* **Địa hình đồi núi cao:** Là những khu vực có độ cao từ 800 - 1780 m. Tập trung ở phía Đông thuộc xã Đắk Ang có các đỉnh núi cao như: Ngọc Chiến (1.777m), Ngọc Xi Nê (1.544m), Ngọc Kup (1.311m), Ngọc Trang (1.300m). Ở phía Tây Quốc lộ 14 thuộc các xã Đắk Dục, Đắk Nông, Đắk Xú có dãy núi cao gồm các đỉnh như: Ngọc Xiết (1.284m), Ngọc Cem Put (1.209m), Ngọc Bia (1.253m) Ngọc Kơ Nang (1.063m). Ở phía Nam khu vực giáp huyện Sa Thầy và phía Tây Nam giáp biên giới Lào, Cam Pu Chia có các đỉnh núi cao như: Chư Yach (888m, Ngọc Bơ Bêang (1.153m) thuộc địa bàn Pờ Y và xã Sa Loong. Dạng địa hình này có diện tích khoảng 23.880 ha chiếm 28,28% diện tích tự nhiên của huyện với các dãy núi chạy theo hướng Bắc Nam cao ở đỉnh rồi thoải về phía Tây Nam. Độ cao trung bình so với mặt nước biển > 900m. Địa hình chia cắt hiểm trở và có xu hướng thấp dần từ Bắc xuống Nam. Trên dạng địa hình này chủ yếu là diện tích rừng tự nhiên.

* **Địa hình đồi núi trung bình:** Đây là dạng địa hình chủ yếu của huyện với khoảng 58.045 ha, chiếm 68,73% diện tích tự nhiên, nằm trong khu vực có độ cao từ 600 - 800m, bao gồm các dãy đồi núi thấp tiếp giáp giữa vùng núi cao và vùng thấp trũng, phân bố chủ yếu ở khu vực trung tâm huyện, dọc 2 bên quốc lộ 14, 14C và quốc lộ 40. Độ cao trung bình khoảng 700 m so với mực nước biển, địa hình có

dạng lượn sóng chia cắt nhẹ. Việc phát triển sản xuất và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình dân sinh của huyện đều tập trung trên dạng địa hình này với khoảng 30.000 ha đất sản xuất nông nghiệp và 4.090 ha đất phi nông nghiệp. Phần còn lại là diện tích rừng tự nhiên nằm tiếp giáp với khu vực đồi núi cao.

* **Địa hình đồi núi thấp:** Dạng địa hình này phân bố ở khu vực có độ cao từ 280 - 400m, độ cao trung bình khoảng 350 m so với mực nước biển, tập trung nhiều ở khu vực hạ lưu suối Đắk Xú giáp với Lào và số ít ở khu vực phía Nam xã Sa Loong giáp huyện Sa Thầy. Dạng địa hình này có diện tích khoảng 2.530 ha, chiếm 3,0% diện tích tự nhiên của huyện, đây là dạng địa hình được bồi tụ ở hạ lưu sông suối nên khá bằng phẳng, tạo thành các dải đồng bằng hẹp dọc hai bên suối.

c. Khí hậu:

Huyện có khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của khí hậu vùng cao nguyên. Một năm có 2 mùa: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Huyện nằm trong tiểu vùng khí hậu nhiệt đới ẩm núi trung bình Tây Ngọc Linh và vùng trũng tỉnh Kon Tum.

Tiểu vùng khí hậu nhiệt đới ẩm núi trung bình Tây Ngọc Linh: gồm các xã phía Bắc huyện (xã Đắk Ang, Đắk Dục, Đắk Nông một phần xã Đắk Xú và thị trấn Plei Kần). Nhiệt độ trung bình < 21°C, lượng mưa trung bình 2000 - 2200mm; độ ẩm bình quân 82 - 84%.

- *Tiểu vùng khí hậu nhiệt đới ẩm vùng trũng Kon Tum:* Thuộc các xã phía Nam huyện (Thị trấn Plei Kần, xã Đắk Xú, Đắk Kan, Pờ Y và xã Sa Loong). Nhiệt độ trung bình 23 - 24°C; lượng mưa trung bình 1800 - 2000mm; độ ẩm trung bình 78 - 82%.

* **Nhiệt độ:** Nhiệt độ trung bình năm khoảng 22,4°C, nhiệt độ trung bình cao nhất khoảng 30,5°C, nhiệt độ trung bình thấp nhất 15°C. Nhiệt độ tháng thấp nhất 7,5°C (tháng 1), nhiệt độ tháng cao nhất 34,5°C (tháng 4), biên độ nhiệt giữa ngày và đêm giao động từ 10°C đến 15°C. Do đặc điểm của địa hình ở khu vực phía Bắc huyện nhiệt độ thấp hơn.

Tổng nhiệt độ tại khu vực ở mức tương đối cao, phổ biến đạt từ 8000°C - 8200°C. Ở khu vực phía Bắc huyện nhiệt độ phổ biến từ 8000°C - 8100°C, khu vực phía Nam huyện phổ biến từ 8100°C - 8200°C. Tổng nhiệt độ trong năm đạt khoảng 8100°C.

* **Chế độ mưa:** Lượng mưa trung bình nhiều năm 2.000 - 2.200 mm, khu vực phía Bắc huyện do chịu ảnh hưởng của khí hậu núi cao trung bình Tây Ngọc Linh lượng mưa lớn hơn phổ biến từ 2000 - 2200mm, Khu vực phía Nam huyện chịu ảnh hưởng của khí hậu vùng trũng Kon Tum, lượng mưa phổ biến từ 1800 - 2000mm. Chế độ mưa được chia thành hai mùa:

- Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 kết thúc vào tháng 10, chiếm tới 90% tổng lượng mưa cả năm. Mưa nhiều thường xuất hiện từ tháng 6 đến tháng 9, lượng mưa bình quân tháng đạt 350 mm;

- Mùa khô thường bắt đầu từ tháng 11 và kết thúc vào tháng 4 năm sau. Mùa khô mưa ít, lượng mưa chiếm khoảng 10% lượng mưa cả năm. Tháng có lượng mưa ít từ tháng 12 đến tháng 2 năm sau, lượng mưa trung bình phổ biến khoảng 5,1mm, tháng 1 hầu như không có mưa.

* **Chế độ ẩm:** Chế độ ẩm phụ thuộc vào chế độ mưa và theo khu vực. Thời kỳ hình thành gió mùa Tây Nam (tháng 5 đến tháng 10) là thời kỳ có độ ẩm cao (từ 87% - 90%), thời kỳ hình thành gió mùa Đông Bắc (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau) là thời kỳ khô hạn, độ ẩm thấp (74 - 81%). Độ ẩm trung bình năm 79,5% trong đó các vùng núi cao như vùng phía Đông Bắc huyện, khu vực ngã ba biên giới, vườn Quốc gia Chư Mom Ray có độ ẩm cao 85%. Các vùng bình nguyên, vùng trũng thấp độ ẩm 75 - 80%. Tháng có độ ẩm thấp nhất 70% (tháng 3), tháng có độ ẩm cao nhất 90% (tháng 8).

* **Lượng bốc hơi:** Cũng mang đặc thù của vùng Tây Nguyên, khu vực huyện Ngọc Hồi có lượng bốc hơi khá lớn, trung bình trên 1232,9mm.

* **Chế độ gió:** Chế độ gió phụ thuộc theo mùa với hai hướng chính là Đông Bắc và Tây Nam, tốc độ gió trung bình 5,2 m/s.

- Gió Đông Bắc xuất hiện vào các tháng mùa mưa, bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, tốc độ gió từ 3,0 - 5,5 m/s, riêng khu vực phía Bắc huyện do địa hình cao nên tốc độ gió có thể đạt từ 4,5 - 5,5 m/s;

- Gió Tây và Tây Nam xuất hiện trong các tháng mùa khô từ tháng 5 đến tháng 10, tốc độ gió đạt từ 2,5 - 3,5m/s.

d. Thủy văn:

Với đặc điểm của hệ thống sông suối trên địa bàn huyện, hình thành ở những khu vực có địa hình cao, dốc nên sông suối thường hẹp và biến đổi mạnh mẽ theo thời gian. Hàng năm có hai mùa dòng chảy: mùa lũ và mùa kiệt. Mùa lũ thường đến muộn hơn mùa mưa 2 tháng, lũ thường bắt đầu từ tháng 7 đến tháng 11, với lượng dòng chảy trong mùa lũ chiếm trên dưới 70% lượng dòng chảy năm.

Mùa kiệt kéo dài 7 tháng từ tháng 12 năm trước đến tháng 6 năm sau. Lượng dòng chảy mùa kiệt chỉ chiếm khoảng 30% lượng dòng chảy năm, các tháng 2, 3 và tháng 4 là thời điểm kiệt nhất.

Hệ thống sông suối trên địa bàn huyện khá phong phú, phần lớn là sông suối đầu nguồn. Với những sông suối chính như sau:

- *Sông Đăk Pô Kô*: Bắt nguồn từ vùng núi cao Ngọc Linh, chảy về phía Nam, đoạn chảy qua huyện dài 40km, độ rộng lòng sông trung bình khoảng 40 -50m. Đây là sông lớn trong khu vực, tổng lượng dòng chảy năm khá lớn khoảng $2375.10^6 m^3$ chiếm 26,07% tổng lượng dòng chảy năm toàn tỉnh. Sông là ranh giới giữa xã Đăk Ang và xã Đăk Dục, Đăk Nông. Sông có nước quanh năm nhưng do lòng sông dốc, trên sông có nhiều ghềnh thác nên khả năng bồi đắp phù sa không lớn.

- *Suối Đăk Xú*: Bắt nguồn từ phía Nam núi Ngọc Morang, dài khoảng 29 km, có hướng chảy từ Đông sang Tây, nhập vào suối Đăk Xou của Lào sau đó đổ vào sông Mê Kông. Do suối chảy qua triền núi cao phía Bắc đường Quốc lộ 40, dưới chân dãy Ngọc Cem Put - Ngọc Bia - Ngọc Kơ Neng và hai dãy phía Nam Đăk Xú nên lòng suối dốc và có nhiều ghềnh thác nước chảy xiết. Do đó tuy là suối lớn có nước quanh năm nhưng khả năng giữ nước kém và khó bồi đắp phù sa.

- *Suối Đăk H'Niêng*: Bắt nguồn từ núi Ngọc Kang Tiat chảy từ Tây sang Đông, dọc theo đường quốc lộ 40, suối dài khoảng 22 km sau đó đổ vào sông Pô Kô cạnh cầu Đăk Mốt. Vì suối chảy giữa hai triền núi cao nên có hơn 20 khe suối nhỏ đổ vào, cung cấp một lượng nước đáng kể, hiện tại trên dòng suối này đã có hồ chứa nước Đăk H'Niêng.

- *Suối Đăk Kal*: Bắt nguồn từ trung tâm vườn Quốc gia Chư Mom Ray, suối dài khoảng 14km, chảy qua khu vực trung tâm xã Đăk Kan và nhập lưu với suối Đăk Klong tại thôn Hòa Bình xã Đăk Kan (QL14C) sau đó đổ vào Đăk H'Niêng tại ranh giới phía Nam thị trấn Plei Kần. Đây là suối lớn có nước quanh năm, do chảy qua khu vực có địa hình bằng phẳng nên suối đã bồi đắp tạo thành cánh đồng lúa tại khu vực xã Đăk Kan.

Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có nhiều suối nhánh phân bố ở hầu hết các xã như: Đăk Na, Đăk Tral, Đăk Cơ Na, Đăk Piu (Đăk Ang), Đăk Rơ Long, Đăk Vai (Đăk Dục), Đăk Rơ Ling, Đăk Trui (Đăk Nông), Đăk Hơ Niang, Đăk Klong ở xã Đăk Kan, Đăk Hơ Draih ở xã Sa Loong,...

1.1.2. Các nguồn tài nguyên:

a. Tài nguyên đất:

Theo kết quả điều tra, khảo sát của Viện nghiên cứu quy hoạch nông nghiệp, nông thôn dự án “Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất” thì huyện Ngọc Hồi có 4 nhóm đất chính với 7 đơn vị phân loại đất:

Bảng 01. Thống kê các loại đất, theo nhóm đất

STT	Nhóm đất, loại đất	Ký hiệu	Diện tích	Cơ cấu
-----	--------------------	---------	-----------	--------

			(ha)	(%)
I	Nhóm đất thung lũng		126,42	0,24
	Đất thung lũng dốc tụ	D	126,42	
II	Nhóm đất đỏ vàng		46.090,00	89,16
1	Đất nâu đỏ trên đá Bazan	Fk	5.823,00	
2	Đất nâu vàng trên phù sa cổ	Fp	3.620,00	
3	Đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất	Fs	36.647,00	
III	Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi		2.332,06	4,51
1	Đất mùn vàng đỏ trên đá macma axit	Ha	99,06	
2	Đất mùn đỏ vàng trên đá sét và biến chất	Hs	2.233,00	
IV	Nhóm đất phù sa		1.627,00	3,15
	Đất phù sa ngòi suối	Py	1.627,00	
A	Tổng cộng		50.175,48	
B	Sông, suối, ao, hồ	Ho	1.516,00	2,93
C	Tổng diện tích tự nhiên		51.691,48	100,00

Bảng 02. Thống kê diện tích theo độ dốc - tầng dày

Độ dốc	Diện tích (ha)	Tầng Dày	Diện tích (ha)
Cấp I (0 -3 ⁰)	4.531,85	1(> 100 cm)	35.794,77
Cấp II (3 -8 ⁰)	5.475,38	2(70 - 100 cm)	43.619,45
Cấp III (8 -15 ⁰)	5.213,61	3(50 - 70cm)	2.725,98

Cấp IV (15 -20 ⁰)	4.747,16	4(30 - 50cm)	398,80
Cấp V (20 -25 ⁰)	14.067,31	5(< 30cm)	398,80
Cấp VI (25 -30 ⁰)	44.528,28		
Cấp VII (30 -35 ⁰)	4.374,20		
Sông suối, ao hồ	1.516,00		1.516,00
Cộng	84.453,80		84.453,80

- **Nhóm đất thung lũng dốc tụ (D):** Đất thung lũng, dốc tụ (D) có diện tích 126,42 ha, chiếm 0,24% diện tích tự nhiên, phân bố tại khu vực xã Sa Loong. Toàn bộ diện tích đất này đã được khai thác đưa vào sử dụng để trồng lúa và cây hàng năm.

- **Nhóm đất đỏ vàng (F):** Nhóm đất này có diện tích 46.090,00 ha, chiếm 89,16% diện tích tự nhiên, phân bố hầu hết ở địa bàn các xã, thị trấn với 3 đơn vị phân loại đất, trong đó:

a) *Đất nâu đỏ trên đá Bazan (Fk):* Có diện tích 5.823,00 ha, chiếm 12,63% diện tích nhóm đất đỏ vàng, phân bố chủ yếu ở xã Sa Loong, Đắk Kan và số ít tại thị trấn Plei Kần. Đất có thành phần cơ giới nhẹ phần nhiều là cát và thạch anh. Rất nghèo mùn, đạm, lân, kali, chất hữu cơ từ thấp đến trung bình, đạm tổng số ở mức 0,05% đến 0,10%. Lân trong đất rất nghèo ở cả 2 dạng tổng số và dễ tiêu: 0,01 - 0,05% P₂O₅ và 0,5 đến 5mg P₂O₅/100g đất. Kali tổng số ở mức nghèo đến trung bình 1,00 - 1,5% K₂O. Kali dễ tiêu nghèo đến trung bình 2,0 - 10,0mg K₂O/100 g. Diện tích đất có tầng dày > 100 cm khoảng 3.695 ha, còn lại là diện tích có tầng hữu hiệu mỏng. Loại đất này phân bố chủ yếu ở những khu vực có độ dốc từ Cấp II (3 - 8⁰) đến cấp VII (30 - 35⁰).

b) *Đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp):* Có diện tích 3.620,00 ha, chiếm 7,85% diện tích nhóm đất đỏ vàng, phân bố chủ yếu ở khu vực trung tâm xã Đắk Kan, dọc sông Đắk Pô Kô tại khu vực xã Đắk Ang, Đắk Dục, Đắk Nông và số ít ở xã Sa Loong và xã Pờ Y. Phân bố ở độ dốc từ cấp I (0 - 3⁰) đến cấp IV (15 - 20⁰), hiện trên những diện tích đất này đã được khai thác đưa vào sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, ở khu vực thấp trũng trồng lúa nước, ở khu vực cao trồng cây hàng năm và cây lâu năm.

c) *Đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất (Fs):* Có diện tích 36.647,00 ha, chiếm 79,51% diện tích nhóm đất đỏ vàng. Phân bố ở khắp các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, trong đó đất có tầng dày (> 100cm) là 17.756,5 ha, tầng dày (70 - 100cm) là 43.622 ha, tầng dày (50 - 70cm) là 429 ha. Phân bố ở các cấp độ dốc từ Cấp I (0 -

3⁰) đến cấp VII (30 - 35⁰), trong đó tập trung nhiều ở khu vực có độ dốc cấp VI với diện tích khoảng 38.500 ha, trên loại đất này phần lớn là diện tích rừng, diện tích còn lại bám theo các trục đường chính, các khu dân cư và đã được khai thác để sản xuất nông nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng. Đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất nhìn chung có thành phần cơ giới từ trung bình đến nặng, đất thường chua pH_{KCl} là 4,0 - 4,5. CEC, cation kiềm trao đổi và độ no bazơ thấp. Tỷ lệ chất hữu cơ trong đất từ nghèo đến trung bình, đạm tổng số khoảng 0,01 - 0,10% N, Lân tổng số $\leq 0,08\%$ P_2O_5 , Kali tổng số từ 0,50% đến 1,0%.

- **Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi (H):** Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi có diện tích 2.332,06 ha, chiếm 4,51% diện tích tự nhiên, với 2 đơn vị phân loại đất, trong đó:

a) *Đất mùn vàng đỏ trên đá macma axit (Ha):* Có diện tích 99,06 ha phân bố ở phía Nam xã Đăk Kan.

b) *Đất mùn đỏ vàng trên đá sét và biến chất (Hs):* Có diện tích 2.233,00 ha, phân bố chủ yếu trên dãy núi cao giáp ranh với huyện Tu Mơ Rông thuộc địa bàn xã Đăk Ang, trên diện tích đất này chủ yếu là diện tích rừng phòng hộ và ở khu vực dãy núi cao thuộc địa bàn xã Đăk Dục, Đăk Nông, Đăk Xú phía Tây Quốc lộ 14. Toàn bộ diện tích đất này phân bố ở khu vực địa hình có độ dốc từ cấp V (20 - 25⁰) đến cấp VII (30 - 35⁰) ở những khu vực có độ cao trên 1000m.

- **Nhóm đất phù sa (P):** Đất phù sa ngòi suối ((Py) có diện tích 1.627,00 ha, chiếm 3,15% diện tích đất tự nhiên của huyện. Đất được hình thành do sự bồi lắng phù sa của các sông suối, phân bố rải rác ở khu vực xã Đăk Ang dọc sông Đăk Pô Kô và ở khu vực ranh giới xã Đăk Kan, xã Pờ Y và thị trấn Plei Kần, toàn bộ diện tích đất này đã được khai thác để trồng lúa nước.

b. Tài nguyên nước:

Nước là nguồn tài nguyên đặc biệt quan trọng, là thành phần thiết yếu của sự sống và môi trường, quyết định sự tồn tại, phát triển bền vững của quốc gia.

- **Tài nguyên nước mặt:** Nằm trong hệ thống sông Đăk Pô Kô, hệ thống sông suối trên địa bàn huyện khá đa dạng. Lượng mưa bình quân hàng năm trong khu vực từ 2.000 - 2.200 mm/năm nên nguồn nước mặt khá lớn. Nhưng 80% lượng nước mặt tập trung vào các tháng mùa mưa, do hệ thống sông suối trên địa bàn huyện đều phát nguồn từ những dãy núi cao, chảy qua những khu vực có địa hình phức tạp nên sông suối thường quanh co và nhiều ghềnh thác, sườn dốc đứng do đó khả năng giữ nước hạn chế. Nguồn nước mặt dồi dào về mùa mưa, nhưng về mùa khô lại bị cạn kiệt, thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt. Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có 27 hồ chứa nước lớn nhỏ (kể cả đập bồi, đập tạm), tổng diện tích tưới thiết kế là 1.001 ha, thực tế 903 ha, tổng lượng nước tưới cho các loại cây trồng là

18,69 triệu m³. Trong đó có các hồ diện tích tương đối lớn: hồ Đắc Trui: 11,5 ha, hồ Đắc H'Niêng: 19,44 ha và hồ Sa Loong: 36,5 ha... cơ bản đáp ứng nhu cầu nước cho sản xuất và sinh hoạt trong mùa khô.

- **Tài nguyên nước ngầm:** Theo tài liệu đánh giá của Liên đoàn địa chất thủy văn Miền Nam. Cấu trúc địa chất thủy văn của khu vực gồm các đơn vị chứa nước sau đây:

+ *Phức hệ chứa nước lỗ hổng trầm tích Holocen (QIv):* Phức hệ chứa nước lỗ hổng trầm tích Holocen (QIv) gồm những thành phần tạo bởi nguồn gốc sông suối. Mực nước tĩnh nằm ở độ sâu thường gặp 1,5 - 3,0m. PH từ 6,5 - 7,5, thuộc loại nước trung tính. Nước ở hệ chứa nước này có bề dày không lớn, phân bố hẹp khoảng 5,5km²;

+ *Phức hệ chứa nước lỗ hổng trầm tích Plâystocen (Q II-III):* Phân bố dọc thung lũng sông Đắc Pô Kô và tạo thành dải kéo dài từ Bắc xuống trung tâm thị trấn Plei Kần và phía Tây Nam của huyện. Diện tích tổng cộng khoảng 34,5km². Bề dày thay đổi từ 3 - 19m, thường gặp 10 - 15m. Mực nước thay đổi từ 4,0 đến 15,5m, thường gặp từ 8,0 đến 10m, lưu lượng các giếng đào từ 0,1 đến 0,2 l/s, đủ cung cấp nước sinh hoạt gia đình;

+ *Phức hệ chứa nước khe nứt trầm tích Neogen (N2kt):* Phân bố chủ yếu ở trung tâm và phía Tây Nam của huyện, với diện tích khoảng 5km². Bề dày trầm tích thay đổi từ 5m đến 21,5m. Mực nước thay đổi từ 0,4 đến 11,0m, thường gặp từ 4,0m đến 7,0m. Lưu lượng giếng thay đổi từ 0,1 đến 0,3 l/s, một số giếng bị cạn vào mùa khô. Mực nước biến đổi theo mùa, giao động giữa mùa mưa và mùa khô khoảng 0,5 đến 1,0m. Nhìn chung nước có chất lượng tốt;

+ *Nước trầm tích trong biến chất Paleozoi (PZ):* Phân bố chủ yếu ở phía Tây Bắc, Đông và Nam của huyện với diện tích 350km². Bề dày lớn khoảng 600m - 850m. Đá cấu tạo khối, ít nứt nẻ, khả năng chứa nước kém. Tuy nhiên, do hoạt động kiến tạo đá một số nơi bị nứt nẻ phá huỷ có khả năng chứa nước tốt, tạo nên các khu vực có triển vọng chứa nước. Lưu lượng từ 0,1 đến 4,5l/s, pH từ 6,6 đến 7 thuộc nước trung tính;

+ *Đới chứa nước trong và phong hoá Granit:* Các khối đá magma xâm nhập phân bố dọc sông Đắc Pô Kô và rải rác trên địa bàn toàn huyện, với diện tích 25km². Chúng tạo nên những khối và dãy núi, ít nứt nẻ, khả năng chứa nước kém, hoặc không chứa nước.

+ *Sơ bộ về trữ lượng nước dưới đất:* Theo báo cáo của đề tài điều tra nước trên khu vực huyện Ngọc Hồi, thì trữ lượng nước dưới đất thuộc lưu vực sông Đắc Pô Kô đã được đánh giá sơ bộ như sau:

Trữ lượng động tự nhiên: 114. 653 m³/ngày;

Trữ lượng tính: $480.10^6 \text{m}^3/\text{ngày}$;

Trữ lượng khai thác tiềm năng: $150.268 \text{ m}^3/\text{ngày}$

c. Tài nguyên rừng:

Toàn huyện có 38.649,01 ha đất lâm nghiệp có rừng, độ che phủ đạt trên 46,05%, trong đó rừng sản xuất 20.767,92 ha, phân bố nhiều ở khu vực phía Tây Bắc và phía Nam của huyện thuộc các xã Đắc Dục, Đắc Nông, Đắc xú, Đắc Ang và khu vực giáp ranh với vườn Quốc gia Chư Mom Ray thuộc xã Pờ Y, xã Sa Loong. Rừng phòng hộ có 7.148,79 ha tập trung nhiều ở khu vực đồi cao giáp với huyện Đắc Tô và huyện Tu Mơ Rông thuộc địa bàn xã Đắc Ang với diện tích khoảng 6.984,83 ha và số ít ở khu vực cửa khẩu Pờ Y với diện tích khoảng 163,96 ha. Diện tích rừng đặc dụng có 10.732,30 ha. Tập trung trong khu vực vườn quốc gia Chư Mom Ray ở khu vực phía Tây và phía Nam của huyện, trong đó tập trung nhiều tại xã Sa Loong với diện tích khoảng 9.565,51 ha; xã Pờ Y khoảng 1.030,19 ha; xã Đắc Kan 136,59 ha. Rừng của Ngọc Hồi có nhiều loại gỗ quý, động vật rừng phong phú và đa dạng. Diện tích rừng tự nhiên chiếm đa số, tập trung ở các khu rừng phòng hộ, đặc dụng. Đây là nơi chứa nhiều nguồn gen động thực vật quý có giá trị và ý nghĩa rất lớn cho công tác nghiên cứu khoa học.

d. Tài nguyên nhân văn:

Toàn huyện có 61.294 nhân khẩu sinh sống trên địa bàn 7 xã và thị trấn Plei Kần. Lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất và con người nơi đây gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của các dân tộc Việt Nam với 17 dân tộc riêng biệt, mỗi dân tộc có một phong tục tập quán riêng đã hình thành nên nền văn hóa cổ truyền rất đa dạng mang đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, với những nét độc đáo của người Gia Rai, Ba Na, Xê Đăng, Dê Triêng,... đóng góp đáng kể vào kho tàng văn hóa dân gian của các dân tộc Tây Nguyên với những tác phẩm có sức sáng tạo lớn, những loại hình văn hóa phi vật thể đã được bảo tồn và lưu truyền cho đến ngày nay.

e. Tài nguyên khoáng sản

Là huyện có diện tích rộng, cấu trúc địa chất phức tạp, khoáng sản ở đây được điều tra nghiên cứu trên nhiều vùng với mức độ khác nhau. Kết quả cho thấy khoáng sản trong vùng như sau:

- Vàng sa khoáng: xuất hiện rải rác dọc sông Đắc Pô Kô;

- Đá Gabro: có trữ lượng khoảng 160 triệu m^3 phân bố nhiều ở xã Pờ Y có khả năng khai thác làm đá ốp lát;

- *Sét gạch ngói*: Xuất hiện nhiều ở xã Sa Loong, với trữ lượng khoảng 15000 - 20000 m³ hiện tại khu vực này đang khai thác sản xuất gạch ngói thủ công cung cấp cho thị trường trên địa bàn huyện;

Ngoài ra các khoáng sản thông thường (đá xây dựng, cát, sỏi...) phong phú về số lượng và đa dạng về chủng loại, gồm nhiều điểm mỏ đã và đang được khai thác đáp ứng nhu cầu xây dựng tại địa phương và có thể đảm bảo cho nhiều doanh nghiệp đầu tư khai thác chế biến.

1.1.3. Phân tích hiện trạng môi trường.

Với diện tích 38.649,01 ha đất lâm nghiệp có rừng, độ che phủ đạt 46,05% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Môi trường tự nhiên của huyện được đánh giá là khá tốt với hệ sinh thái rừng thường xanh, hệ động thực vật tự nhiên phong phú, tuy nhiên trong những năm gần đây cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội và việc đầu tư xây dựng khu kinh tế đã có những tác động đáng kể đến môi trường tự nhiên trong khu vực, nhiều diện tích rừng bị chuyển đổi để xây dựng các công trình công cộng cho khu kinh tế và khu vực trung tâm huyện. Việc khai thác sử dụng đất để sản xuất cũng tác động không nhỏ đến môi trường sinh thái trong khu vực cụ thể là:

- Tình trạng sử dụng phân bón và các hoá chất trong sản xuất nông nghiệp không đúng quy trình kỹ thuật làm ô nhiễm môi trường đất, nguồn nước, đây là tình trạng khá phổ biến hiện nay;

- Mạng lưới vệ sinh môi trường trong khu dân cư những năm gần đây tuy đã được quan tâm, nhưng tình trạng xả rác thải vẫn diễn ra phổ biến, chỉ một vài khu vực có đội thu gom rác, nhưng hệ thống xử lý rác chưa có, chỉ mới thu gom vào bãi rác, hệ thống hạ tầng khu dân cư chưa hoàn thiện đã gây ra ô nhiễm bụi, nhất là mùa khô. Hệ thống nước sạch cũng đang từng bước xây dựng.

Trong những năm gần đây do môi trường biến đổi phức tạp đã tác động nhiều đến đời sống, sản xuất của con người, nên đã được sự quan tâm của toàn xã hội, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện từng bước được cải thiện.

1.1.4. Đánh giá chung.

1.1.4.1. Những thuận lợi, lợi thế:

- Huyện Ngọc Hồi là huyện biên giới nằm ở phía Bắc tỉnh Kon Tum, là vùng trung tâm kinh tế trọng điểm nối trung tâm thành phố Kon Tum đi các tỉnh Nam Lào. Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Pờ Y là điểm nhấn trong chiến lược liên kết nhằm tạo cơ hội hợp tác, phát triển đồng đều giữa các nước ASEAN và tiểu vùng sông Mê Kông, là giao điểm quan trọng nối liền các tỉnh Tây Nguyên, Duyên hải Miền Trung, Đông Nam Bộ Việt Nam với các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Campuchia, Thái Lan và Myanmar.

- Hệ thống đường giao thông liên vùng tương đối phát triển nối liền với tỉnh lỵ Kon Tum, các tỉnh Nam Lào và khu vực Duyên Hải miền Trung thông qua các tuyến đường quan trọng như Quốc lộ 14 (đường Hồ Chí Minh), Quốc lộ 40, Quốc lộ 14C và Quốc lộ 18B (Lào).

- Tiềm năng về phát triển công nghiệp thủy điện khá lớn: Với lợi thế địa hình cao, có độ dốc lớn, có sông, suối và lưu lượng dòng chảy lớn như sông Đăk Pô Kô và nhiều nhánh suối chính đổ ra sông Đăk Pô Kô, như suối Đăk sủ, Đăk Kan,... Tổng tiềm năng kinh tế - kỹ thuật của sông Đăk Pô Kô và các suối này là 30,9MW, chiếm 3% tổng tiềm năng kinh tế - kỹ thuật thủy điện vừa và nhỏ của tỉnh.

- Tài nguyên khoáng sản của huyện cũng có một số loại có giá trị kinh tế, như Serpentinit (thạch anh), vàng gốc, vàng sa khoáng, các loại khoáng sản khác qui mô vừa và nhỏ.

- Có tiềm năng, điều kiện phát triển du lịch: Ngọc Hồi nằm vị trí ngã 3 Đông Dương, có cột mốc 3 biên: Việt Nam, Lào và Campuchia tương lai sẽ là điểm đến của nhà đầu tư và du khách đến tham quan, du lịch. Ngọc Hồi giáp với vườn quốc gia Chư Mom Rây và có tuyến quốc lộ 14C chạy qua huyện nối Kon Tum với các tỉnh Tây Nguyên sẽ thu hút nhiều dự án khu du lịch.

1.1.4.2. Khó khăn, hạn chế:

- Huyện Ngọc Hồi có một số hạn chế về điều kiện tự nhiên: Vị trí địa lý của huyện chưa thực sự thuận lợi cho việc thu hút đầu tư, phát triển kinh tế do nằm xa các trung tâm kinh tế lớn, xa các cảng biển, các đầu mối giao thông lớn. Địa hình đồi núi cao, diện tích đất đang bị xói mòn, rửa trôi còn lớn.

- Trình độ phát triển kinh tế của huyện thấp, hệ thống kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- Hiện trạng di dân tự do, nạn phá rừng lấy đất canh tác, mua bán đất đai và nhiều vấn đề bức xúc khác về kinh tế - xã hội đã nảy sinh. Những năm gần đây di dân tự do có xu hướng giảm nhưng vẫn còn diễn biến phức tạp.

1.2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

1.2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

Trong năm 2022 ước đạt 8.260 tỷ đồng, đạt 108% so với kế hoạch và bằng 112% so với năm trước, trong đó: Nông - Lâm - Thủy sản ước đạt 1.400 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch và 109% so với năm trước; Công nghiệp - Xây dựng ước đạt 2.584 tỷ đồng, đạt 111% kế hoạch và bằng 115% so với năm trước; Thương mại - Dịch vụ ước đạt 4.276 tỷ đồng, đạt 107% kế hoạch và bằng 111% so với năm trước. Cơ cấu ngành kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng. Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 47 triệu đồng.

1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế:

a. Công nghiệp - Xây dựng

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp hoạt động tương đối ổn định. Hoạt động xây dựng có bước tăng trưởng nhanh so với năm trước, chủ yếu do nhu cầu xây dựng công trình XDCB thuộc dự án đầu tư công, doanh nghiệp và xây dựng nhà của hộ dân trong năm 2022 tăng mạnh. Trên địa bàn huyện có 03 nhà máy thủy điện vừa và nhỏ đang hoạt động: *Dự án thủy điện Plei Kần Hạ, nhà máy thủy điện Trường Giang và nhà máy thủy điện Đăk Piu 2*; 01 dự án đang triển khai xây dựng: *Nhà máy thủy điện Plei Kần Hạ* và 04 dự án đang lập dự án đầu tư: *Dự án thủy điện Đăk Na, thủy điện Đăk Kroong, thủy điện Đăk Sủ 2 và dự án thủy điện Đăk Pô Cồ 1*.

- Hệ thống truyền tải, phân phối điện trên địa bàn cơ bản đáp ứng được nhu cầu sử dụng của người dân, tỷ lệ hộ được sử dụng điện sinh hoạt đạt 100%.

b. Thương mại - Dịch vụ

- Tình hình giá cả thị trường các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống của người dân nhìn chung không có biến động mạnh; lượng hàng hóa khá đa dạng, phong phú đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của người dân. Công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả được quan tâm chỉ đạo thực hiện.

- Các hoạt động thương mại, dịch vụ cơ bản phục hồi hoàn toàn sau đại dịch bệnh Covid-19; Hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu qua cửa khẩu quốc tế Pờ Y có chuyển biến tích cực. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 292 triệu USD, tăng 13,26% so với cùng kỳ năm trước với các mặt hàng nhập khẩu như cao su tự nhiên, đường, cà phê, gỗ xẻ, trái cây các loại, máy móc thiết bị tái nhập,...; hàng hóa xuất khẩu gồm phân bón các loại, xi măng, sắt thép, cây giống, nhiên nguyên liệu sản xuất,...

- Công tác phát triển du lịch đã quan tâm triển khai thực hiện. Đã ban hành các chủ trương, giải pháp để phát triển, thu hút du lịch trên địa bàn huyện như: *Điểm du lịch Làng văn hoá - Du lịch Đăk Răng, xã Đăk Dục; Làng văn hoá - Du lịch Đăk Răng* ; Phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông xây dựng các phóng sự, tin, bài, video để quảng bá tiềm năng, thế mạnh, sản phẩm du lịch của địa phương; phối hợp với Sở VH-TT&DL tỉnh tổ chức giới thiệu tiềm năng, thế mạnh, sản phẩm du lịch của huyện cho các tổ chức hỗ trợ phát triển du lịch và các đơn vị lữ hành. Tham gia chuỗi sự kiện Diễn đàn "*Du lịch Kon Tum - Tiềm năng và triển vọng*" tỉnh Kon Tum năm 2022. Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn huyện đã đón hơn 4.500 lượt khách du lịch đến thăm, tìm hiểu, khám phá vẻ đẹp về thiên nhiên, văn hoá, lịch sử, con người và vùng đất Ngọc Hồi. Riêng tại Làng Văn hoá -

Du lịch Đăk Răng, xã Đăk Dục đã đón 8 đoàn với hơn 300 lượt khách đến thăm, trải nghiệm văn hoá dân tộc Giẻ-Triêng.

c. Nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Trong năm 2022 tổng diện tích cây hằng năm ước đạt 7.501 ha, đạt 100,8% kế hoạch, bằng 100,2% so với năm trước; diện tích cây lâu năm ước đạt 17.354,2 ha, đạt 101,5% so với kế hoạch và bằng 101,2% so với năm trước; diện tích cây được gieo ước đạt 137,6 ha, đạt 107% kế hoạch, trong đó trồng mới là 107,6 ha. Chăn nuôi tiếp tục ổn định. Tổng đàn gia súc ước đạt 33.857 con, đạt 110% so với kế hoạch và bằng 112% so với năm trước. Công tác phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được thực hiện kịp thời đã góp phần khống chế dịch xảy ra trên địa bàn. Đến ngày 15/11 đã xảy ra dịch bệnh tả lợn. Châu Phi, dịch Cúm gia cầm (H5N1) tại một số địa phương gây thiệt hại cho bà con nhân dân. Diện tích thủy sản ước đạt 323 ha, đạt 98,5% kế hoạch, tổng sản lượng ước đạt 587 tấn các loại, đạt 77,8% kế hoạch và bằng 87,3% so với cùng kỳ năm trước.

- Trong năm 2022 công tác trồng rừng được chỉ đạo quyết liệt. Diện tích rừng trồng mới đến nay đạt 561,34 ha, đạt 101% so với kế hoạch giao. Công tác quản lý và bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, vận chuyển lâm sản trái pháp luật và phòng cháy, chữa cháy rừng tiếp tục được tăng cường. Từ đầu năm đến nay, đã phát hiện 02 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp (*giảm 09 vụ so với năm 2021*), khối lượng gỗ vi phạm 1,634 m³ gỗ tròn (*giảm 72,325m³ so với năm 2021*); diện tích rừng bị thiệt hại là 0,282 ha rừng tự nhiên. Tỷ lệ độ che phủ rừng của huyện đạt 46,1%.

- Về thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm: Các địa phương đã đăng ký 13 ý tưởng/sản phẩm tham gia chương trình OCOP năm 2022, trong đó, đã chọn 03 xã: Đăk Xú, Đăk Kan và Đăk Ang là địa bàn chưa có sản phẩm OCOP để hỗ trợ kinh phí từ nguồn sự nghiệp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022. Đến nay, UBND huyện đang thẩm định dự toán để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo và dự kiến cuối năm sẽ có 03 sản phẩm tham gia vào chuỗi giá trị các sản phẩm cấp tỉnh, đạt chỉ tiêu giao.

(Nguồn: Báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ năm 2023)

1.2.3. Tình hình dân số, lao động, việc làm và an sinh xã hội:

Dân số trung bình huyện Ngọc Hồi là 61.294 người. Dân cư phân bố theo lãnh thổ không đồng đều, mật độ dân số bình quân toàn huyện là 73 người/km².

- Công tác an sinh xã hội, chăm lo tết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được triển khai kịp thời. Đã tổ chức Hội nghị biểu dương người có công tiêu biểu và phong trào đền ơn đáp nghĩa giai đoạn 2017-2021 nhân kỷ niệm 75 năm ngày Thương

binh - Liệt sỹ; tổ chức thăm hỏi và tặng 1.944 suất quà cho gia đình người có công cách mạng với tổng kinh phí 764,9 triệu đồng.

- Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn được triển khai tích cực, đến nay đã đào tạo cho hơn 408 học viên tham gia, đạt 110,2% kế hoạch. Tỷ lệ lao động qua đào tạo dự kiến đạt 54%. Số lao động được giải quyết việc làm trong năm dự kiến 400 lao động, đạt 108% kế hoạch và bằng 103% so với cùng kỳ năm trước.

- Công tác giảm nghèo tiếp tục được quan tâm thực hiện, tổng số hộ nghèo trên địa bàn huyện theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2022-2025 là 726 hộ, chiếm tỷ lệ 4,50%; hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2022-2025 là 460 hộ, chiếm tỷ lệ 2,85%.

(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ năm 2023)

1.2.4. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội:

1.2.4.1. Giao thông vận tải:

Mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn đã được đầu tư xây dựng và phân bổ khá hợp lý; nhiều tuyến đường đã và đang tiếp tục được đầu tư, nâng cấp phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể như sau:

- Quốc lộ 14C trên địa bàn huyện Ngọc Hồi đi qua thị trấn Plei Kần với chiều dài tuyến 16,5 Km.

- Quốc lộ 40 trên địa bàn huyện Ngọc Hồi nối từ tuyến đường Hồ Chí Minh tại trung tâm thị trấn Plei Kần đi cửa khẩu Pờ Y với chiều dài 21,5 Km.

- Đường Hồ Chí Minh chạy qua cạnh phía Đông thị trấn Plei Kần với chiều dài 21,7 Km. Đây là tuyến giao thông mang tính chiến lược thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng khu vực Tây Nguyên và trên phạm vi cả nước

Đường huyện Ngọc Hồi gồm 10 tuyến với tổng chiều dài là 83,3 km, trong đó láng nhựa và bê tông hóa được 47,7 km, còn lại 18,2 km là đường bê tông xi măng.

+ Đường huyện ĐH71: Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 7,2 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường BTXM, chất lượng đường xấu.

+ Đường huyện ĐH72: Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 6,5 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường BTXM, chất lượng đường xấu.

+ Đường huyện ĐH73: Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 17,0 km, kết cấu mặt đường bê tông nhựa dài 14,0 km cấp kỹ thuật của đường là cấp V, còn lại 3,0 km đường đất cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, chất lượng đường tốt.

+ Đường huyện ĐH74: Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 9,5 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp V, kết cấu mặt đường bê tông nhựa, chất lượng đường tốt.

+ Đường huyện ĐH75: Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 3,1 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường BTXM dài 1,6 Km, còn lại 1,5 Km đường đất, chất lượng đường xấu.

+ Đường huyện ĐH76: Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 2,4 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường bê tông nhựa, chất lượng đường tốt.

+ Đường huyện ĐH77: Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 11 km, kết cấu mặt đường BTXM dài 3,6 Km cấp kỹ thuật của đường là cấp V, chất lượng đường trung bình, còn lại 7,4 Km đường đất cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, chất lượng đường xấu.

+ Đường huyện ĐH78: Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 4,6 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp V, kết cấu mặt đường bê tông nhựa dài 4,3 Km chất lượng trung bình, còn lại 0,3 Km đường đất chất lượng đường xấu.

+ Đường huyện ĐH79: Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 4,5 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp V, kết cấu mặt đường BTXM, chất lượng đường trung bình (4,0 Km) và đường xấu (0,5 Km).

+ Đường huyện ĐH80: Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 17,5 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI (14,0 Km) và cấp V (3,5 Km), kết cấu mặt đường bê tông nhựa, chất lượng đường tốt.

Đường xã và trục thôn của huyện Ngọc Hồi gồm có 352 tuyến, với tổng chiều dài là 338,242 km.

(Nguồn: Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Ngọc Hồi)

1.2.4.2. Thủy lợi:

Hệ thống thủy lợi huyện Ngọc Hồi tương đối hoàn chỉnh, đáp ứng cơ bản yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn. Trên địa bàn huyện có 35 công trình hồ đập, thủy lợi với tổng chiều dài kênh 67 km, tổng số diện tích tưới 1.259 ha.

Các công trình thủy lợi tiếp tục được đầu tư nâng cấp, sửa chữa đảm bảo khả năng tưới tiêu sản xuất nông nghiệp: Như dự án Thủy lợi Đăk Long 1, xã Sa Loong với tổng mức đầu tư 116.532 triệu đồng, quy mô thiết kế phục vụ tưới tiêu cho 160 ha gồm 50 ha lúa, 80 ha cà phê, 30 ha hoa màu; Dự án Nâng cấp sửa chữa Thủy lợi Đăk Hơ Na, Thủy lợi Đăk La. Thủy lợi Đăk Phia với tổng vốn trên 6.014 triệu đồng đã đưa vào vận hành. Ngoài ra, hàng năm, huyện đã bố trí duy tu, sửa chữa một số công trình thủy lợi nhỏ trên địa bàn để đảm bảo nước tưới cho sản xuất nông nghiệp);

(Nguồn: Báo cáo Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
5 năm 2021 – 2025)

1.2.4.3. Bưu chính viễn thông:

- Bưu chính - viễn thông được quan tâm đầu tư, phát triển với nhiều loại hình dịch vụ viễn thông phong phú, chất lượng phục vụ được nâng lên.

- Trang thông tin điện tử huyện cập nhật và phản ánh, cập nhật kịp thời các thông tin chỉ đạo điều hành, các hoạt động của Lãnh đạo huyện trên tất cả các lĩnh vực như kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh. Chương trình trang tin địa phương được duy trì đảm bảo thời lượng và chất lượng.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 80-KH/TU ngày 14-6-2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18-2-2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đã thành lập Ban chỉ đạo Chuyển đổi số huyện; thực hiện chuyên tải các nội dung liên quan đến chuyển đổi số trên sóng KRT và Trang Thông tin điện tử huyện; tổ chức bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số cho lãnh đạo các xã, thị trấn.

(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ năm 2023)

1.2.4.4. Cấp điện

Những năm qua, ngành điện đã đầu tư nhiều công trình hạ tầng điện, đồng thời tỉnh cũng tranh thủ huy động vốn đầu tư từ trung ương, ngân sách tỉnh và nguồn cân đối ngân sách huyện để đầu tư phát triển điện lưới đi trước một bước tạo tiền đề phát triển các ngành sản xuất và phục vụ đời sống dân sinh. Nhìn chung, điện khí hóa nông thôn đạt được những kết quả khả quan. Đến nay, 100% đơn vị cấp xã có lưới điện quốc gia, 100% số thôn có điện, tỷ lệ hộ dùng điện đạt 100%.

1.2.4.5. Cấp nước

Công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn huyện Ngọc Hồi có 4 công trình; Số người dân được cấp nước là 2.110 người, với kinh phí 6.700 triệu đồng, phổ biến chủ yếu ở thị trấn Plei Kần và một số khu vực trung tâm.

Ngoài ra, huyện đã đầu tư hệ thống giếng đào, giếng khoan với số lượng 200 công trình; tương ứng số lượng người được cấp 950 người, kinh phí 4.275 triệu đồng.

(Nguồn: Quy hoạch cấp nước sạch nông thôn tỉnh Kon Tum năm 2020 và định hướng đến năm 2025)

1.2.5. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội:

1.2.5.1. Ưu điểm

Trong năm 2022, tình hình kinh tế - xã hội của huyện tiếp tục ổn định, phát triển trên tất cả các lĩnh vực. Các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội - môi trường ước thực hiện đến cuối năm đa số đạt và vượt kế hoạch, trong đó diện tích cây cà phê, cây cao su, cây mắc ca, cây ăn quả, cây dược liệu và trồng rừng đã vượt kế hoạch giao. Thu ngân sách nước trên địa bàn huyện và giải ngân vốn đầu tư công đạt kết quả cao; sản xuất công nghiệp, xây dựng có bước phát triển; hoạt động thương mại, dịch vụ đã phục hồi và phát triển; số doanh nghiệp thành lập mới và hoạt động trở lại tăng so với cùng kỳ năm trước. Công tác chỉ đạo củng cố, đổi mới kinh tế tập thể, hợp tác xã được chú trọng; công tác quản lý quy hoạch, trật tự xây dựng và môi trường đã quan tâm thực hiện. Công tác an sinh xã hội và chăm sóc sức khoẻ Nhân dân được nâng lên; các hoạt động thể dục, thể thao phát triển rộng khắp; công tác cải cách hành chính và việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường; Quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Hoạt động đối ngoại được duy trì.

1.2.5.2. Một số tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Sản xuất nông nghiệp còn gặp khó khăn. Dịch bệnh trên gia súc, gia cầm vẫn còn xảy ra. Chỉ tiêu về tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế dự kiến không đạt so kế hoạch giao.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng một số công trình trọng điểm còn gặp khó khăn, vướng mắc như: *Công trình Đường Trung tâm thị trấn Plei Kần và công trình Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn liên hợp huyện Ngọc Hồi*. Tình trạng vi phạm về lĩnh vực khoáng sản, quản lý đất đai và trật tự xây dựng vẫn còn xảy ra.

- Ô nhiễm môi trường tại Khu bãi rác tập trung của huyện chưa được xử lý triệt để.

- Tình hình dịch bệnh sốt xuất huyết Dengue vẫn còn ở mức cao.

- Trật tự an toàn xã hội, an ninh nông thôn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro.

- Tội phạm liên quan đến ma túy còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp; tai nạn giao thông nghiêm trọng còn xảy ra.

1.2.5.3. Nguyên nhân:

a) Nguyên nhân khách quan

- Nhu cầu sử dụng mỏ đất thi công các công trình xây dựng cơ bản lớn trong khi trên địa bàn huyện chưa có mỏ khai thác đất; đơn giá bồi thường, giải phóng mặt bằng còn bất cập như: *Đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư, áp giá đền bù theo quy định thấp, vì thế người dân không đồng thuận với phương án đền bù, chưa tạo được sự đồng thuận của người dân vùng bị ảnh hưởng;*

-
- Giá xăng, dầu và giá nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào tăng mạnh đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động đời sống, sản xuất...; đồng thời, là địa bàn biên giới nên tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp;
 - Ý thức chấp hành pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng, an toàn giao thông, giữ gìn trật tự trị an, phòng cháy chữa cháy, ... của một bộ phận người dân còn hạn chế.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương quán triệt chưa đầy đủ, sâu sắc các chỉ tiêu năm 2022 theo Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 13-12-2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa VII và Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của HĐND huyện khóa VII- Kỳ họp thứ 3; chưa thật sự quyết tâm, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo bám sát các chỉ tiêu thực hiện đảm bảo tiến độ, kế hoạch đề ra.
- Một số địa phương thực hiện công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng, đất đai có mặt còn hạn chế.
- Công tác nắm tình hình, quản lý địa bàn của một số cơ quan, đơn vị theo chức năng chưa tốt; công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện nhiệm vụ thiếu chặt chẽ, đồng bộ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

Theo số liệu thống kê đất đai 31/12/ 2021 và dự kiến các công trình thực hiện trong năm 2022 của UBND huyện Ngọc Hồi thì cơ cấu sử dụng đất như sau:

- Đất nông nghiệp: 77.858,69 ha, chiếm 92,76% tổng diện tích tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp 4.714,23 ha, chiếm 5,62% tổng diện tích tự nhiên.
- Đất chưa sử dụng: 1.363,33 ha, chiếm 1,62% tổng diện tích tự nhiên.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm trước của huyện được đánh giá như sau:

Bảng 03: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
	Tổng diện tích tự nhiên		83.936,25	83.936,25		
1	Đất nông nghiệp	NNP	77.180,05	77.858,69	678,64	100,88
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.691,00	1.703,55	12,55	100,74
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	80,94	80,94		100,00
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	17.185,07	17.360,02	174,95	101,02
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	19.053,64	19.509,59	455,95	102,39
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	7.137,13	7.148,79	11,66	100,16
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	10.729,29	10.732,30	3,00	100,03
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	20.680,53	20.767,92	87,39	100,42
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	587,48	607,54	20,06	103,41
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	115,90	28,98	-86,92	25,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.420,63	4.714,23	-706,40	86,97
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	331,57	279,52	-52,05	84,30
2.2	Đất an ninh	CAN	7,37	6,45	-0,92	87,52
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	17,33		-17,33	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	100,00		-100,00	

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ %
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	32,78	4,83	-27,95	14,73
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	88,34	96,59	8,25	109,34
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	22,30		-22,30	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	140,03	97,82	-42,21	69,86
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.379,81	1.897,09	-482,72	79,72
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,68	2,68		100,00
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,17	0,66	-3,51	15,83
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	623,11	610,97	-12,14	98,05
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	212,03	183,60	-28,43	86,59
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	29,24	30,26	1,02	103,49
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	11,85	6,86	-4,99	57,89
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN				
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.223,02	1.301,26	78,24	106,40
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	194,55	195,19	0,64	100,33
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,45	0,45		100,00
3.	Đất chưa sử dụng	CSD	1.335,57	1.363,33	27,76	102,08

Tổng số công trình, dự án thực hiện trong năm 2022 là 109 công trình/901,83 ha. Trong 109 công trình dự án có 46 công trình, dự án nằm trong năm kế hoạch 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 chuyển tiếp sang và 63 công trình, dự án đăng ký mới năm 2022. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Ngọc Hồi như sau:

* Công trình, dự án dự kiến thực hiện xong đến cuối năm 2022 là 13/109 công trình (33,07/901,83 ha), đạt 11,93% so với tổng số công trình thực hiện trong năm 2022, đạt 3,67% so với diện tích.

* Công trình, dự án chuyên tiếp thực hiện trong năm 2023 là 81/109 công trình (674,10/901,83 ha). Trong đó:

- Có 17 công trình, dự án quá 03 năm đăng ký (kế hoạch 2017: 3 công trình; kế hoạch 2018: 1 công trình; kế hoạch 2019: 10 công trình; kế hoạch 2020: 3 công trình) nhưng chưa thực hiện được từ năm 2017 đến năm 2020. UBND huyện đề nghị xem xét điều chỉnh tiếp tục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023, cụ thể:

+ Nhà trực quản giáo, hỏi cung, thăm gặp và tiếp tế tại Công an huyện Ngọc Hồi, diện tích 0,30 ha: Công trình đang thực hiện;

+ Dự án khai thác đá Secpentic, diện tích 2,70 ha; Hiện nay Công trình này đang thực hiện (Đã đăng ký tiếp tục thực hiện trong năm 2021 tại Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 8/11/2021 của UBND tỉnh Kon Tum V/v bổ sung dự án vào điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021);

+ Đường lên cột mốc biên giới Việt Nam - Lào – Campuchia, diện tích 15,00 ha: Công trình đang thực hiện (Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Kon Tum);

+ Đường trung tâm thị trấn Plei Kần (điểm đầu giao tại Km 1485+850 đường HCM, điểm cuối giao với Km1489+500 đường HCM), diện tích 19,20 ha: Tiếp tục thực hiện tại Nghị Quyết số 22/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phân bổ chi tiết vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình MTQG năm 2022 trên địa bàn huyện Ngọc Hồi(Kinh phí 6.769 triệu đồng);

+ Dự án hỗ trợ phát triển KT-XH dân tộc thiểu số rất ít người Brâu, thôn Đăk Mế - đường giao thông, diện tích 5,25 ha: Tiếp tục thực hiện tại Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình: Xây dựng các công trình thực hiện Đề án “Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội dân tộc thiểu số rất ít người Brâu tỉnh Kon Tum đến năm 2025”;

+ Dự án hỗ trợ phát triển KT-XH dân tộc thiểu số rất ít người Brâu, thôn Đăk Mế_ công trình thủy lợi, diện tích 2,17 ha: Công trình đang thực hiện (Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Kon Tum);

+ Trạm cắt 220kV Pờ Y và các đường dây 220kV đấu nối từ cụm nhà máy thủy điện Nam Kong 1, 2, 3 (Lào) vào Hệ thống điện Việt Nam, diện tích 22,65 ha: Công trình đang thực hiện;

+ Thủy điện Plei Kân Hạ, diện tích 35,57 ha: Công trình đang thực hiện;

+ Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thành phố, thành phố của tỉnh Kon Tum (KfW 3.1), diện tích 0,08 ha: Hiện nay công trình đang thực hiện thu hồi, bồi thường về đất.

+ Khu xử lý chất thải rắn liên hợp huyện Ngọc Hồi, diện tích 6,80 ha: Công trình đang thực hiện (Quyết định 144/QĐ-UBND ngày 03/03/2021 của UBND tỉnh Kon Tum Về việc điều chỉnh Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình);

+ Mở rộng khu dân cư phía Đông thị trấn Plei Kân (Hai bên đường trung tâm TT Plei Kân), diện tích 8,00 ha: Công trình đã thực hiện xong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đề nghị chuyển tiếp để thực hiện theo Quyết định số 2287/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án và Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ngọc Hồi (Kinh phí 152.279 triệu đồng);

+ Khu dân cư mới thị trấn Plei Kân, diện tích 43,00 ha: Công trình đã hoàn thành giai đoạn kiểm kê, lập phương án bồi thường nhưng chưa làm thủ tục thu hồi đất, giao đất nên chuyển sang kế hoạch năm 2023 để tiếp tục thực hiện (Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ngọc Hồi (Kinh phí 5.000 triệu đồng));

+ Đấu nối đường dây điện (Thủy điện Plei Kân), diện tích 2,71 ha: Đang thực hiện đấu nối đường dây;

+ Đấu giá quyền sử dụng đất Khu bệnh viện cũ - Đường Nguyễn Huệ, diện tích 0,60ha: Đang thực hiện (Đã hoàn thành 0,5 ha/0,6 ha);

+ Đấu giá quyền sử dụng đất Khu dân cư mới - Khu trung tâm hành chính mới huyện Ngọc Hồi, diện tích 12,70 ha: Công trình đang thực hiện, hiện tại còn 77 lô chưa đấu giá;

+ Đấu giá quyền sử dụng lô đất Đường Nguyễn trung trực - Tô Vĩnh Diện, diện tích 0,02 ha: Đang thực hiện (còn 1 lô);

+ Đấu giá lô đất quy hoạch trung tâm hành chính (Khu dân cư mới), diện tích 0,02 ha: Đang thực hiện (còn 1 lô);

- Công trình chuyển tiếp là 64 công trình, dự án (kế hoạch 2021: 19 công trình; kế hoạch 2022: 45 công trình).

* Công trình, dự án xin hủy, không phù hợp thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 15 công trình, dự án.

2.1.1. Đất nông nghiệp:

So với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt 77.180,05 ha, diện tích đất nông nghiệp thực hiện đến 31/12/2022 là 77.858,69 ha, tăng 678,64 ha. Cụ thể kết quả thực hiện các loại đất nông nghiệp như sau:

- Đất trồng lúa: Diện tích kế hoạch được duyệt là 1.691,00 ha, thực hiện đến 31/12/2022 có 1.703,55 ha, tăng 12,55 ha.

Trong năm 2022, kế hoạch sử dụng đất phê duyệt chuyển 11,81 ha sang các mục đích khác, kết quả thực hiện được 1,26 ha, đạt 10,67% kế hoạch.

Nguyên nhân chỉ tiêu đất trồng lúa chưa đạt do chưa thực hiện xong các công trình lấy từ loại đất này như: Cụm CN Nông Nhày II xã Đăk Nông; Đường trung tâm thị trấn Plei Kần (điểm đầu giao tại Km 1485+850 đường HCM, điểm cuối giao với Km1489+500 đường HCM) thị trấn Plei Kần; Hồ Ia Tun (Dự án Cụm hồ Đăk Rô Gia - Ia Tun) xã Đăk Ang; Thủy điện Đăk Pô Cô 1 xã Đăk Dục, Đăk Ang....

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích kế hoạch được duyệt là 17.185,07 ha, thực hiện đến 31/12/2022 có 17.360,02 ha, tăng 174,95 ha.

Trong năm 2022, kế hoạch sử dụng đất phê duyệt chuyển 165,43 ha sang các mục đích khác, kết quả thực hiện được 5,61 ha, đạt 3,39% kế hoạch.

Nguyên nhân chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm chưa đạt do chưa thực hiện xong các công trình lấy từ loại đất này như: Dự án chăn nuôi heo ứng dụng công nghệ cao Công ty TNHH chăn nuôi Thắng Lợi Kon Tum xã Đăk Xú; Đất quốc phòng xã Đăk Kan; Cụm CN Nông Nhày II, xã Đăk Nông; Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp xã Pờ Y; Khai thác đất làm VLXD thông thường xã Đăk Xú; Đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường xã Đăk Nông; Dự án khai thác đá Secpentic xã Pờ Y...

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích kế hoạch được duyệt là 19.053,64 ha, thực hiện đến 31/12/2022 trên địa bàn huyện có 19.509,59 ha, tăng 455,95 ha.

Trong năm 2022, kế hoạch sử dụng đất phê duyệt chuyển 394,48 ha sang các mục đích khác, kết quả thực hiện được 17,13 ha, đạt 4,34% kế hoạch.

Nguyên nhân chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm chưa đạt do chưa thực hiện xong các công trình lấy từ loại đất này như: Trang trại nông nghiệp tổng hợp SHP của

công ty CPĐTTP thương mại SHP xã Đăk Nông; Trang trại nuôi heo Thành Thoa xã Đăk Xú; Trang trại nuôi heo Huy Tuấn xã Sa Loong; Trang trại nuôi heo Thành Phát xã Đăk Kan; Đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics, kho bãi, dịch vụ CKQT Pờ Y; Khu dân cư mới thị trấn Plei Kần; Dự án khai thác vàng gốc (2 mỏ) xã Đăk Kan; Đường lên cột mốc biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia xã Pờ Y; Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ Quốc lộ 40 vào cửa khẩu Đăk Kôi -Kon Tuy Neak (Việt Nam - Cam Pu Chia)...

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích kế hoạch được duyệt là 7.137,13 ha, thực hiện đến 31/12/2022 trên địa bàn huyện có 7.148,79 ha, tăng 11,66 ha.

Nguyên nhân chỉ tiêu đất rừng phòng hộ không đạt do chưa thực hiện xong các công trình lấy từ loại đất này như: Đường lên cột mốc biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia xã Pờ Y; Hồ Ia Tun (Dự án Cụm hồ Đăk Rô Gia - Ia Tun) xã Đăk Ang.

- Đất rừng đặc dụng: Diện tích kế hoạch được duyệt là 10.729,29 ha, thực hiện đến 31/12/2022 trên địa bàn huyện có 10.732,30 ha, tăng 3,00 ha.

Nguyên nhân chỉ tiêu đất rừng đặc dụng không đạt do chưa thực hiện xong công trình lấy từ loại đất này: Chốt dân quân thường trực xã Sa Loong.

- Đất rừng sản xuất: Diện tích kế hoạch được duyệt là 20.680,53 ha, thực hiện đến 31/12/2022 toàn huyện có 20.767,92 ha, tăng 87,39 ha.

Trong năm 2022, kế hoạch sử dụng đất phê duyệt chuyển 87,39 ha sang các mục đích khác, kết quả không thực hiện được.

Nguyên nhân chỉ tiêu đất rừng sản xuất không đạt do chưa thực hiện xong các công trình lấy từ loại đất này như: Đất quốc phòng xã Đăk Kan; Khai thác đất làm VLXD thông thường xã Pờ Y; Dự án khai thác vàng gốc (2 mỏ); Mở rộng đường bao phía tây thị trấn Plei Kần (điểm đầu giao với đường Nguyễn Văn Linh, điểm cuối giao tại Km0+882,5 đường bao phía Tây); Hồ Ia Tun (Dự án Cụm hồ Đăk Rô Gia - Ia Tun) xã Đăk Ang; Trạm cắt 220kV Pờ Y và các đường dây 220kV đấu nối từ cụm nhà máy thủy điện Nam Kong 1, 2, 3 (Lào) vào Hệ thống điện Việt Nam xã Pờ Y và Đăk Xú; Thủy điện Đăk Sứ 2...

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích kế hoạch được duyệt là 587,48 ha, thực hiện đến 31/12/2022 diện tích đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện có 607,54 ha, tăng 20,06 ha.

Trong năm 2022, kế hoạch sử dụng đất phê duyệt chuyển 20,23 ha sang các mục đích khác, kết quả thực hiện được 0,79 ha, đạt 3,91% kế hoạch.

Nguyên nhân chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản chưa đạt do chưa thực hiện xong các công trình lấy từ loại đất này như: Cụm CN Nông Nhày II, xã Đăk Nông;

Chuyển mục đích đất nuôi trồng thủy sản sang đất trồng cây lâu năm thôn Ngọc Tạng xã Đăk Kan; Trang trại nuôi heo Thành Thoa xã Đăk Xú...

- Đất nông nghiệp khác: Diện tích kế hoạch được duyệt là 115,90 ha, thực hiện đến 31/12/2022 trên địa bàn huyện đất nông nghiệp khác có 28,98 ha, giảm 86,92 ha. Nguyên nhân chỉ tiêu đất nông nghiệp khác chưa đạt do chưa thực hiện xong các công trình đăng ký trong năm kế hoạch như: Trang trại nông nghiệp tổng hợp SHP của công ty CPĐTTP thương mại SHP (xã Đăk Nông); Trang trại nuôi heo Thành Thoa xã Đăk Xú; Dự án chăn nuôi heo ứng dụng công nghệ cao Công ty TNHH chăn nuôi Thắng Lợi Kon Tum xã Đăk Xú; Dự án đầu tư xây dựng trang trại nuôi heo công nghệ cao (công ty CP Nông Nghiệp GREENFARM Kon TUM) xã Đăk Kan.

2.1.2. Đất phi nông nghiệp:

Diện tích kế hoạch được duyệt là 5.420,63 ha, thực hiện đến 31/12/2022 diện tích đất phi nông nghiệp là 4.714,23 ha, giảm 706,40 ha so với kế hoạch. Trong đó:

- Đất quốc phòng: Diện tích kế hoạch được duyệt là 331,57 ha, thực hiện đến 31/12/2022 trên địa bàn huyện có 279,52 ha, giảm 52,05 ha, chưa đạt so với kế hoạch được duyệt do chưa thực hiện các công trình: Trường bắn, thao trường huấn luyện huyện Ngọc Hồi xã Đăk Kan; Chốt dân quân thường trực xã Sa Loong.

- Đất an ninh: Diện tích kế hoạch được duyệt là 7,37 ha, thực hiện đến 31/12/2022 trên địa bàn huyện có 6,45 ha, giảm 0,92 ha, chưa đạt so với kế hoạch được duyệt do chưa thực hiện các công trình: Nhà trực quản giáo, hỏi cung, thăm gặp và tiếp tế tại Công an huyện Ngọc Hồi; Nhà làm việc công an xã Đăk Ang; Công an xã Đăk Dục; Công an xã Đăk Nông; Nhà làm việc công an xã Sa Loong.

- Đất khu công nghiệp: Diện tích kế hoạch được duyệt là 17,33 ha. Trong năm kế hoạch, chưa thực hiện xong công trình Khu công nghiệp - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Pờ Y (17,33 ha), không đạt so với kế hoạch được duyệt.

- Đất cụm công nghiệp: Diện tích kế hoạch được duyệt là 100,00 ha. Trong năm kế hoạch, chưa thực hiện xong công trình: Cụm CN Nông Nhày II, xã Đăk Nông; Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp xã Pờ Y, không đạt so với kế hoạch được duyệt.

- Đất thương mại dịch vụ: Diện tích kế hoạch được duyệt là 32,78 ha, thực hiện đến 31/12/2022 trên địa bàn huyện có 4,83 ha, giảm 27,95 ha, chỉ tiêu đất thương mại dịch vụ chưa đạt so với kế hoạch được duyệt do chưa thực hiện các công trình: Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ thương mại xã Đăk Dục; Khu trung bày, giới thiệu sản phẩm và dịch vụ xã Pờ Y; Đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics, kho bãi, dịch vụ CKQT Pờ Y; Khu nhà phố thương mại trung tâm huyện Ngọc Hồi; Khu dân cư mới thị trấn Plei Kần; Công trình thương mại, dịch vụ xã Pờ Y...

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích kế hoạch được duyệt là 88,34 ha, thực hiện đến 31/12/2022 trên địa bàn huyện có 96,59 ha, tăng 8,25 ha.

Nguyên nhân: Trong năm 2022 có phê duyệt chuyển sang các loại đất khác để thực hiện các công trình dự án nhưng vẫn không thực hiện được như: Cụm CN Nông Nhảy II xã Đăk Nông; Công trình thương mại, dịch vụ xã Pờ Y; Khu nhà phố thương mại trung tâm huyện Ngọc Hồi tại thị trấn Plei Kần.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Diện tích kế hoạch được duyệt là 140,03 ha, thực hiện đến 31/12/2022 có 97,82 ha, giảm 42,21 ha. Chưa đạt so với kế hoạch được duyệt do chưa thực hiện các công trình: Mở rộng mỏ khai thác đá xã Vạn Thành; Trạm trộn Bê tông tươi (Công ty TNHH Chí Thành); Đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường (Cty CP khoáng sản Sài Gòn - Pờ Y); ...

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Diện tích kế hoạch được duyệt là 2.379,81 ha, thực hiện đến 31/12/2022 có 1.897,09 ha, giảm 482,72 ha. Chưa đạt so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng chưa đạt so với kế hoạch được duyệt do hầu hết các công trình, dự án hạ tầng đều thuộc Quy hoạch Khu kinh tế Cửa khẩu Pờ Y. Hiện nay Quy hoạch Khu kinh tế Cửa khẩu Pờ Y đang trong giai đoạn điều chỉnh nên hầu hết chưa thực hiện như: Đường lên cột mốc biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia; Công trình đường vào chợ xã Pờ Y; Dự án hỗ trợ phát triển KT-XH dân tộc thiểu số rất ít người Brâu, thôn Đăk Mế - đường giao thông; Đường lên chốt dân quân thường trực xã Pờ Y; Quốc môn cửa khẩu Quốc tế Pờ Y, tỉnh Kon Tum; Nạo vét lòng hồ cung cấp nước cho Nhà máy nước sạch Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Pờ Y (Hồ Lạc Long Quân); Dự án hỗ trợ phát triển KT-XH dân tộc thiểu số rất ít người Brâu, thôn Đăk Mế_ công trình thủy lợi; Nhà máy điện sinh khối 1,2,3 (thuộc KCN Pờ Y) (Thuộc Khu công nghiệp Pờ Y - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Pờ Y); Trạm cắt 220kV Pờ Y và các đường dây 220kV đấu nối từ cụm nhà máy thủy điện Nam Kong 1, 2, 3 (Lào) vào Hệ thống điện Việt Nam...

Đồng thời một số công trình, dự án đang trong giai đoạn kiểm kê, lập phương án bồi thường; thu hồi đất một phần dự án; đã thu hồi đất nhưng chưa lập hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất như: Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ Quốc lộ 40 vào cửa khẩu Đăk Kôi -Kon Tuy Neak (Việt Nam - Cam Pu Chia); Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thành phố, thành phố của tỉnh Kon Tum (KfW 3.1); Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi (Hạng mục: Thi công xây dựng lưới điện huyện Ngọc Hồi sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi)...

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích kế hoạch được duyệt là 2,68 ha, thực hiện đến 31/12/2022 có 2,68 ha, giữ nguyên diện tích hiện trạng.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Diện tích kế hoạch được duyệt là 4,17 ha, thực hiện đến 31/12/2022 có 0,66 ha, giảm 3,51 ha.

Trong năm 2022 đã thực hiện xong công trình khu vui chơi giải trí 0,18 ha tại xã Sa Loong. Tuy nhiên chỉ tiêu đất khu vui chơi, giải trí công cộng vẫn chưa đạt so với kế hoạch được duyệt do chưa thực hiện công trình, dự án: Khu vui chơi giải trí xã Sa Loong; Khu vui chơi giải trí trong Khu dân cư mới thị trấn Plei Kần.

- Đất ở tại nông thôn: Diện tích kế hoạch được duyệt là 623,11 ha, thực hiện đến 31/12/2022 có 610,97 ha; giảm 12,14 ha.

Trong năm 2022 đất ở tại nông thôn đã thực hiện xong các công trình: Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn ở các xã: Xã Đăk Xú 0,80 ha; xã Pờ Y (0,28 ha/1,00 ha); xã Đăk Nông (0,13 ha/0,90 ha); xã Đăk Kan (0,25 ha/1,00 ha); xã Đăk Dục (0,17 ha/0,90 ha).

Chỉ tiêu đất ở tại nông thôn chưa đạt so với kế hoạch được duyệt, nguyên nhân là do chưa thực hiện chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn ở các xã: Xã Pờ Y (0,72/1,00 ha); xã Sa Loong 2,10 ha; xã Đăk Nông (0,77 ha/0,90 ha); xã Đăk Kan (0,75 ha/1,00 ha); xã Đăk Dục (0,73 ha/0,90 ha); xã Đăk Ang 0,50 ha. Đồng thời trong năm 2022 có phê duyệt chuyển sang các loại đất khác để thực hiện các công trình dự án nhưng vẫn không thực hiện được như: Cụm CN Nông Nhày II, xã Đăk Nông; Công trình đường vào chợ xã Pờ Y; Trụ sở cơ quan, doanh nghiệp xã Pờ Y...

- Đất ở tại đô thị: Diện tích kế hoạch được duyệt là 212,03 ha, thực hiện đến 31/12/2022 có 183,60 ha, giảm 28,43 ha.

Năm 2022 đất ở tại đô thị thực hiện xong: Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở đô thị 2,45 ha.

Tuy nhiên chỉ tiêu đất ở tại đô thị vẫn chưa đạt so với kế hoạch được duyệt là do chưa thực hiện các khu dân cư như: Mở rộng Khu dân cư trung tâm hành chính mới huyện; Mở rộng khu dân cư phía Đông thị trấn Plei Kần (Hai bên đường trung tâm TT Plei Kần); Khu dân cư mới thị trấn Plei Kần; Đấu giá quyền sử dụng đất Khu bệnh viện cũ - Đường Nguyễn Huệ; Đấu giá quyền sử dụng lô đất Đường Nguyễn trung trực - Tô Vĩnh Diện; Đấu giá lô đất quy hoạch trung tâm hành chính (Khu dân cư mới); Mở rộng khu dân cư phía Nam thị trấn Plei Kần (dọc 2 bên đường).

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích kế hoạch được duyệt là 29,24 ha, thực hiện đến 31/12/2022 có 30,26 ha, tăng 1,02 ha.

Trong năm 2022 có một số dự án đăng ký nhưng chưa thực hiện được như: Mở rộng khuôn viên Hội trường UBND xã Đăk Kan; Liên đoàn lao động huyện Ngọc Hồi tại thị trấn Plei Kần. Tuy nhiên, diện tích đất trụ sở cơ quan tăng là do trong kế hoạch năm 2022 có phê duyệt chuyển sang các loại đất khác để thực hiện các công trình dự án nhưng vẫn không thực hiện được như: Công an xã Đăk Dục; Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ thương mại xã Đăk Dục; Khu nhà phố thương mại trung tâm huyện Ngọc Hồi tại thị trấn Plei Kần.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích kế hoạch được duyệt là 11,85 ha, thực hiện đến 31/12/2022 có 6,86 ha, giảm 4,99 ha. Không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do chưa thực hiện được công trình: Trụ sở cơ quan, doanh nghiệp xã Pờ Y.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích kế hoạch được duyệt là 1.223,02 ha, thực hiện đến 31/12/2022 có 1.301,26 ha, tăng 78,24 ha. Nguyên nhân chỉ tiêu sông, ngòi, kênh, rạch, suối chưa đạt do chưa thực hiện xong các công trình lấy từ loại đất này như: Đường trung tâm phía Nam thị trấn Plei Kần; Đường trung tâm thị trấn Plei Kần (điểm đầu giao tại Km 1485+850 đường HCM, điểm cuối giao với Km1489+500 đường HCM); Đường trung tâm thị trấn Plei Kần (điểm đầu tại Km 1486+300 đường HCM, điểm cuối giao với Km1489+500 đường HCM) (giai đoạn 2); Đường liên xã Đăk Ang, Đăk Nông, Đăk Rơ Nga xã Đăk Nông; Hiện đại hóa thủy lợi trên địa bàn huyện Đăk Tô - Ngọc Hồi thuộc dự án "Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu" xã Sa Loong; Thủy điện Đăk Sú 2; Thủy điện Plei Kần Hạ thị trấn Plei Kần; Thủy điện Đăk sú 2 xã Đăk Nông; Thủy điện Đăk Pô Cô 1 xã Đăk Dục và xã Đăk Ang.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích kế hoạch được duyệt là 194,55 ha, thực hiện đến 31/12/2022 toàn huyện có 195,19 ha, tăng 0,64 ha.

Nguyên nhân chỉ tiêu đất có mặt nước chuyên dùng chưa đạt do chưa thực hiện xong các công trình lấy từ loại đất này như: Công trình thương mại, dịch vụ xã Pờ Y; Đường trung tâm thị trấn Plei Kần (điểm đầu tại Km 1486+300 đường HCM, điểm cuối giao với Km1489+500 đường HCM) (giai đoạn 2) tại thị trấn Plei Kần.

- Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích kế hoạch được duyệt là 0,45 ha, thực hiện đến 31/12/2022 là 0,45 ha, giữ nguyên diện tích hiện trạng.

2.1.3. Đất chưa sử dụng:

Diện tích kế hoạch được duyệt là 1.335,57 ha, thực hiện đến 31/12/2022 toàn huyện có 1.363,33 ha, tăng 27,76 ha, chưa đạt kế hoạch đề ra. Diện tích tăng là do chưa thực hiện công trình lấy từ loại đất này: Trường bắn, thao trường huấn luyện

huyện Ngọc Hồi; Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp xã Pờ Y; Công trình thương mại, dịch vụ xã Pờ Y; Khai thác đất làm VLXD thông thường xã Pờ Y ; Đường lên cột mốc biên giới Việt Nam - Lào – Campuchia; Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ Quốc lộ 40 vào cửa khẩu Đăk Kôi -Kon Tuy Neak (Việt Nam - Cam Pu Chia); Dự án hỗ trợ phát triển KT-XH dân tộc thiểu số rất ít người Brâu, thôn Đăk Mế - đường giao thông; Đường liên xã Đăk Ang, Đăk Nông, Đăk Rơ Nga; Đường lên chốt dân quân thường trực xã Pờ Y; Thủy điện Đăk sú 2; Thủy điện Đăk Pô Cô 1 ...

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

Trong quá trình sử dụng, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 đều dựa trên quan điểm khai thác tiết kiệm, hiệu quả, triệt để quỹ đất, đáp ứng được các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, phát triển hạ tầng, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Qua kết quả đánh giá việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện cho thấy một số chỉ tiêu kế hoạch đạt thấp như:

- Đối với diện tích đất nông nghiệp: Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm không đạt được chỉ tiêu kế hoạch do nhiều dự án có trong năm kế hoạch lấy từ các loại đất này chưa thực hiện hoàn thành trong năm 2022. Tuy nhiên, đa số những công trình lấy từ các loại đất này có quy mô lớn, cần nhiều thời gian để thực hiện việc kiểm kê, lập phương án bồi thường.

- Đối với diện tích đất phi nông nghiệp: Một số chỉ tiêu loại đất chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch như: Đất quốc phòng; đất khu công nghiệp; đất cụm công nghiệp; đất ở đô thị, đất ở nông thôn,...

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

Qua so sánh, phân tích kết quả giữa thực hiện và các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất còn nhiều các chỉ tiêu kế hoạch không đạt và đạt thấp. Nguyên nhân chủ yếu là:

- Thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất đến thời điểm tổ chức thực hiện có một số công trình, dự án không còn phù hợp và một số dự án phát sinh so với quy hoạch được duyệt.

- Một số công trình, dự án đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai, phải chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm sau để thực hiện.

- Một số địa phương chưa thực sự coi trọng công tác kế hoạch sử dụng đất hàng năm nên tập trung chỉ đạo cho công tác này còn hạn chế, nhất là UBND các xã.

- Thủ tục hành chính trong việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất còn phức tạp.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án phát triển kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn do chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng còn bất cập.

- Công tác quản lý đất đai ở các cấp chưa chú trọng thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát trong quản lý và thực hiện quy hoạch, kế hoạch.

- Chính sách pháp luật về đất đai, về đầu tư, xây dựng... của Trung ương thường xuyên có sự thay đổi, một số văn bản hướng dẫn còn chậm được ban hành, chồng chéo, chưa rõ ràng và chưa có sự thống nhất giữa Luật Đất đai với Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quy hoạch, Luật Lâm nghiệp,...

- Nguyên nhân chính Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện chưa thực hiện được phần lớn do không đồng bộ với Điều chỉnh Quy hoạch khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Pờ Y.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

3.1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

3.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Trong kế hoạch sử dụng đất năm trước có 79 công trình chưa thực hiện xong nhưng vẫn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện được chuyển sang kế hoạch năm 2023 để tiếp tục thực hiện, cụ thể:

*** Đất trồng cây lâu năm:**

- Chuyển mục đích đất nuôi trồng thủy sản (NTS) sang cây lâu năm 13,62 ha tại xã Đăk Kan.

*** Đất quốc phòng:**

- Đất quốc phòng xã Đăk Kan (Trường bắn, thao trường huấn luyện huyện Ngọc Hồi) 50,00 ha;

- Chốt dân quân thường trực xã Sa Loong 3,00 ha.

*** Đất an ninh:**

- Nhà trực quản giáo, hỏi cung, thăm gặp và tiếp tế tại Công an huyện Ngọc Hồi 0,3 ha tại TT Plei Kần;

- Nhà làm việc công an xã Đăk Dục 0,11 ha;

- Nhà làm việc công an xã Đăk Nông 0,20 ha;

- Nhà làm việc công an xã Đăk Ang 0,10 ha;

- Nhà làm việc công an xã Sa Loong 0,10 ha.

*** Đất cụm công nghiệp:**

- Nhà máy sản xuất dây thun cao su xuất khẩu (Công ty TNHH MTV Vận tải Minh Khôi Ngọc Hồi) 1,50 ha trong Cụm công nghiệp Nông Nghiệp II xã Đăk Nông.

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 25,00 ha tại xã Pờ Y.

*** Đất thương mại dịch vụ:**

- Cửa hàng xăng dầu Đăk Dục 0,06 ha;

- Cửa hàng xăng dầu Pờ Y 0,11 ha;

- Cửa hàng xăng dầu Plei Kần 02 là 0,25 ha;

- Cửa hàng xăng dầu Plei Kần 01 là 0,19 ha;

- Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ thương mại 0,35 ha tại xã Đăk Dục;

- Công trình thương mại, dịch vụ 52,22 ha tại xã Pờ Y. (Trong đó có: Khu trung bày, giới thiệu sản phẩm và dịch vụ 1,63 ha; Đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics, kho bãi, dịch vụ CKQT Pờ Y 12,00 ha).

*** Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản**

- Dự án khai thác đá Secpentic xã Pờ Y 2,70 ha;
- Dự án khai thác vàng gốc (2 mỏ) 19,60 ha tại xã Đăk Kan.

*** Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:**

- Mở rộng mỏ khai thác đá hợp tác xã Vạn Thành 2,49 ha (SKX) và Mở rộng sân công nghiệp hợp tác xã Vạn Thành 0,10 ha (PNK) tại xã Đăk Nông;

- Khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT (Thanh Ngọc) 2,50 ha (SKX) và Sân công nghiệp phục vụ khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT 1,12 ha (Thanh Ngọc) (PNK) tại xã Pờ Y;

- Mỏ cát Minh Khôi 0,90 ha (SKX) và xây dựng sân công nghiệp phục vụ khai thác khoáng sản làm VLXDĐT 0,10 ha (PNK) tại TT Plei Kần;

- Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (Công ty TNHH Đức Tiến) 1,00 ha tại TT Plei Kần;

- Khai thác cát làm VLXDĐT (Công ty TNHH 87) 1,84 ha tại xã Đăk Dục;

- Đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường (Cty CP khoáng sản Sài Gòn - Pờ Y) 12,30 ha tại xã Đăk Nông;

- Khai thác đá làm VLXD thông thường (Công ty TNHH xây lắp và thương mại Hoàng Quân) 1,80 ha tại xã Đăk Nông;

- Dự án Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường (2 vị trí) 6,50 ha tại xã Pờ Y;

- Khai thác đất làm VLXD thông thường xã Đăk Xú 4,90 ha;

- Khai thác đất làm VLXD thông thường xã Đăk Xú 2,60 ha;

- Khai thác đất làm VLXD thông thường xã Pờ Y 3,80 ha;

- Khai thác đất làm VLXD thông thường xã Sa Loong 3,50 ha.

*** Đất giao thông:**

- Đường lên cột mốc biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia 15,00 ha tại xã Pờ Y;

- Đường nội bộ khu đấu giá (khu bệnh viện cũ) 0,5 ha tại TT Plei Kần;

- Đường trung tâm phía Nam thị trấn Plei Kần 12,00 ha tại TT Plei Kần, xã Đăk Xú;

- Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ Quốc lộ 40 vào cửa khẩu Đăk Kôi -Kon Tuy Neak (Việt Nam - Cam Pu Chia) 2,90 ha (xã Pờ Y);
 - Công trình đường vào chợ xã Pờ Y 0,05 ha tại xã Pờ Y;
 - Đường trung tâm thị trấn Plei Kần (điểm đầu giao tại Km 1485+850 đường HCM, điểm cuối giao với Km1489+500 đường HCM) 19,20 ha tại TT Plei Kần;
 - Đường Hoàng Thị Loan nối dài 1,43 ha tại TT Plei Kần, xã Đăk Xú;
 - Mở rộng đường bao phía tây thị trấn Plei Kần (điểm đầu giao với đường Nguyễn Văn Linh, điểm cuối giao tại Km0+882,5 đường bao phía Tây) 0,30 ha TT Plei Kần;
 - Dự án hỗ trợ phát triển KT-XH dân tộc thiểu số rất ít người Brâu, thôn Đăk Mé - đường giao thông 5,25 ha tại xã Pờ Y;
 - Đường liên xã Đăk Ang, Đăk Nông, Đăk Rơ Nga 10,93 ha xã Đăk Nông, xã Đăk Ang;
 - Khắc phục sửa chữa đường lên chốt dân quân thường trực Pờ Y 0,50 ha tại xã Pờ Y;
 - Khắc phục đoạn sạt lở mái taluy dương và nền mặt đường N5 - KKT CKQT Pờ Y 2,00 ha tại TT Plei Kần, xã Đăk Xú;
 - Quốc môn cửa khẩu Quốc tế Pờ Y, tỉnh Kon Tum 1,00 ha.
- * Đất thủy lợi:**
- Dự án hỗ trợ phát triển KT-XH dân tộc thiểu số rất ít người Brâu, thôn Đăk Mé - công trình thủy lợi 2,17 ha xã Pờ Y;
 - Kênh nhánh cấp 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi Đăk Long 1, huyện Ngọc Hồi 1,50 ha tại xã Sa Loong;
 - Hiện đại hóa thủy lợi trên địa bàn huyện Đăk Tô - Ngọc Hồi thuộc dự án "Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu" 13,80 ha tại xã Sa Loong;
 - Hồ Ia Tun (Dự án Cụm hồ Đăk Rô Gia - Ia Tun) 35,20 ha tại xã Đăk Ang;
 - Nạo vét lòng hồ cung cấp nước cho Nhà máy nước sạch Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Pờ Y (Hồ Lạc Long Quân) 1,83 ha tại xã Pờ Y.
- * Đất y tế:**
- Mở rộng bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi tại TT Plei Kần 1,24 ha.
- * Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:**

- Nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Đăk Ang, huyện Ngọc Hồi 0,24 ha (bổ sung KHSDD 2021);

*** Đất cơ sở xây dựng cơ sở thể dục thể thao:**

- Khu liên hợp thể dục thể thao huyện Ngọc Hồi 5,63 ha tại xã Đăk Xú

*** Đất công trình năng lượng:**

- Trạm cắt 220kV Pờ Y và các đường dây 220kV đấu nối từ cụm nhà máy thủy điện Nam Kong 1, 2, 3 (Lào) vào Hệ thống điện Việt Nam 22,65 ha tại xã Đăk Xú, xã Pờ Y;

- Thủy điện Plei Kần Hạ 35,57 ha tại TT Plei Kần, Xã Đăk Kan;

- Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thành phố, thành phố của tỉnh Kon Tum (KfW 3.1) 0,08 ha tại TT Plei Kần; xã Đăk Kan

- Dự án nhà máy điện gió Tân Tấn Nhật - Đăk Glei của công ty cổ phần Tân Tấn Nhật 2,84 ha tại xã Đăk Dục, xã Đăk Nông;

- Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi (Hạng mục: Thi công xây dựng lưới điện huyện Ngọc Hồi sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi) 16,64 ha tại xã Đăk Kan, xã Đăk Xú, xã Đăk Ang, xã Sa Loong, xã Đăk Dục;

- Thủy điện Đăk Pô Cô 1 83,30 ha tại xã Đăk Dục, Đăk Ang, Đăk Nông;

- Dự án Thủy điện Plei Kần 2,71 ha tại TT Plei Kần.

*** Đất bãi thải, xử lý chất thải:**

- Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn liên hợp huyện Ngọc Hồi 6,80 ha tại xã Đăk Kan;

- Nhà máy xử lý rác thải huyện Ngọc Hồi và vùng phụ cận (Công ty CP ECO-H) 14,80 ha tại xã Đăk Kan, TT Plei Kần.

*** Đất cơ sở tôn giáo:**

- Nhà thờ Sa Loong 3,00 ha.

*** Đất chợ:**

- Chợ kết hợp trung tâm dịch vụ thương mại 5,20 ha tại TT Plei Kần;

*** Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:**

- Điểm trường tiểu học huyện chuyển mục đích sang đất khu vui chơi giải trí 0,51 ha tại xã Sa Loong;

*** Đất ở tại nông thôn:**

- Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn 0,72 ha tại xã Pờ Y;
- Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn 0,90 ha tại xã Sa Loong;
- Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn 0,77 ha tại xã Đăk Nông;
- Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn 0,75 ha tại xã Đăk Kan;
- Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn 0,73 ha tại xã Đăk Dục;
- Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn 0,50 ha tại xã Đăk Ang;

*** Đất ở đô thị:**

- Mở rộng khu dân cư phía Đông thị trấn Plei Kần (Hai bên đường trung tâm TT Plei Kần) 8,0 ha;
- Dự án xây dựng khu đô thị mới Plei Kần (Khu dân cư mới thị trấn Plei Kần) 30,35 ha;
- Đề án Khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông khu vực phía Nam thị trấn Plei Kần (Khu dân cư Phía Nam thị trấn Plei Kần) 6,00 ha;
- Đấu giá quyền sử dụng đất Khu bệnh viện cũ - Đường Nguyễn Huệ 0,60 ha;
- Đấu giá quyền sử dụng đất Khu dân cư mới - Khu trung tâm hành chính mới huyện Ngọc Hồi 12,70 ha;
- Đấu giá quyền sử dụng lô đất Đường Nguyễn trung trực - Tô Vĩnh Diện 0,02 ha;
- Đấu giá lô đất quy hoạch trung tâm hành chính (Khu dân cư mới) 0,02 ha.

*** Đất xây dựng trụ sở cơ quan:**

- Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự xã Đăk Kan 0,28 ha;
- Xây dựng trung tâm VH TT phục vụ công nhân lao động và đoàn viên công đoàn kết hợp xây dựng trụ sở làm việc của liên đoàn lao động huyện Ngọc Hồi 0,26 ha tại TT Plei Kần.

*** Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp**

- Trụ sở cơ quan, doanh nghiệp 5,00 ha tại xã Pờ Y.

3.1.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

Nhu cầu sử dụng đất đăng ký thực hiện trong năm 2023 như sau:

*** Đất trồng cây hàng năm khác**

- Chuyển mục đích đất trồng lúa nước còn lại (LUK) sang đất trồng cây hàng năm (NHK) 3,00 ha tại xã Pờ Y.

*** Đất nông nghiệp khác**

- Dự án nông nghiệp công nghệ cao trồng cây dược liệu, trồng nấm của ông Trần Văn Thường 1,30 ha tại xã Đăk Xú.

*** Đất quốc phòng**

- Đất quốc phòng xã Đăk Nông 7,95 ha;

*** Đất an ninh**

- Nhà làm việc công an xã Pờ Y 0,09 ha xã Pờ Y;

- Nhà làm việc công an xã Đăk Kan 0,23 ha xã Đăk Kan;

- Nhà làm việc công an xã Đăk Xú 0,05 ha xã Đăk Xú;

- Nhà làm việc công an thị trấn Plei Kần 4,17 ha.

*** Đất thương mại, dịch vụ**

- Đầu tư cơ sở hạ tầng điểm du lịch cộng đồng thôn Đăk Răng, xã Đăk Dục (GPMB mở rộng khuôn viên và chỉnh trang một số hạng mục...) 5,00 ha tại xã Đăk Dục.

*** Đất giao thông:**

- Đường vào khu xử lý bãi rác tập trung của huyện 3,00 ha tại TT Plei Kần, xã Đăk Kan;

*** Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:**

- Mở rộng Trường PT DTBT THCS Ngô Quyền 1,20 ha tại xã Đăk Ang;

*** Đất công trình năng lượng**

- Thủy điện Đăk Roong và đầu nối đường dây 110kV - Trạm Pờ Y 1 là 17,66 ha tại xã Đăk Ang.

*** Đất ở tại nông thôn**

- Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn 2,60 ha tại xã Pờ Y;

- Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn 0,42 ha tại xã Sa Loong;
- Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn 1,24 ha tại xã Đắk Nông;
- Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn 0,95 ha tại xã Đắk Kan;
- Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn 6,65 ha tại xã Đắk Xú;

*** Đất ở tại đô thị**

- Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở đô thị 6,00 ha;
- Giao đất ở cho cán bộ, công chức, viên chức chuyển nơi công tác theo quyết định điều động của cơ quan có thẩm quyền 0,04 ha;
- Đấu giá các thửa đất nhỏ hẹp do nhà nước quản lý 0,03 ha.

3.2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Nhu cầu sử dụng đất được phân tích dựa trên cơ sở số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2022, các công trình chuyển tiếp từ năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 sang thực hiện trong năm 2023 và công trình đăng ký mới trong năm 2023 của huyện Ngọc Hồi.

Bảng 04: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023 huyện Ngọc Hồi

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đầu năm 2023 (ha)	Diện tích cuối năm 2023 (ha)	Tăng (+), giảm (-) ha
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	Tổng diện tích tự nhiên		83.936,25	83.936,25	
1	Đất nông nghiệp	NNP	77.858,69	77.334,93	-523,76
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.703,55	1.690,49	-13,06
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	80,94	80,94	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	17.360,02	17.210,05	-149,97
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	19.509,59	19.260,61	-248,98
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	7.148,79	7.133,24	-15,55
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	10.732,30	10.732,30	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	20.767,92	20.684,86	-83,06
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	17.507,98	17.507,98	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	607,54	593,10	-14,44
1.8	Đất làm muối	LMU			

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đầu năm 2023 (ha)	Diện tích cuối năm 2023 (ha)	Tăng (+), giảm (-) ha
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	28,98	30,28	1,30
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.714,23	5.261,18	546,95
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	279,52	339,52	60,00
2.2	Đất an ninh	CAN	6,45	7,33	0,88
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		26,50	26,50
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	4,83	64,80	59,97
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	96,59	94,39	-2,20
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		22,30	22,30
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	97,82	137,40	39,58
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.897,09	2.238,57	341,48
	<i>Trong đó:</i>				
-	Đất giao thông	DGT	1.469,46	1.542,10	72,64
-	Đất thủy lợi	DTL	55,21	107,54	52,33
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	9,90	9,90	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,09	5,30	1,21
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	44,81	44,39	-0,42
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	9,04	14,67	5,63
-	Đất công trình năng lượng	DNL	248,78	430,23	181,45
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,62	0,62	
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG			
-	Đất có di tích lịch sử - văn hoá	DDT	0,16	0,16	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,28	22,88	21,60
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,05	4,89	1,84
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, NHT	NTD	49,06	49,06	
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH			
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH			
-	Đất chợ	DCH	1,63	6,83	5,20
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,68	2,68	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,66	4,17	3,51
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	610,97	626,77	15,80
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	183,60	220,18	36,58
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	30,26	30,56	0,30
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	6,86	11,86	5,00

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đầu năm 2023 (ha)	Diện tích cuối năm 2023 (ha)	Tăng (+), giảm (-) ha
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN			
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.301,26	1.238,85	-62,41
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	195,19	194,75	-0,44
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,45	0,55	0,10
3.	Đất chưa sử dụng	CSD	1.363,33	1.340,14	-23,19

3.2.1. Đất nông nghiệp:

Diện tích đất nông nghiệp đầu năm 2023 là 77.858,69 ha, đến cuối năm 2023 là 77.334,93 ha, giảm 523,76 ha. Cụ thể:

* Đất trồng lúa:

Diện tích đất trồng lúa đầu năm 2023 là 1.703,55 ha, đến cuối năm 2023 là 1.690,49 ha, giảm 13,06 ha (*Diện tích giảm là đất trồng lúa nước còn lại*) do chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm 3,00 ha; đất thương mại, dịch vụ 0,65 ha (*Công trình thương mại, dịch vụ tại xã Pờ Y*); đất phát triển hạ tầng 9,28 ha (*Đường trung tâm thị trấn Plei Kần (điểm đầu giao tại Km 1485+850 đường HCM, điểm cuối giao với Km 1489+500 đường HCM); Dự án hỗ trợ phát triển KT-XH dân tộc thiểu số rất ít người Brâu, thôn Đăk Mế - công trình thủy lợi; Hồ Ia Tun (Dự án Cụm hồ Đăk Rô Gia - Ia Tun); Thủy điện Đăk Pô Cô 1; ...*) và đất ở tại đô thị 0,13 ha.

Diện tích đất trồng lúa không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 1.690,49 ha.

* Đất trồng cây hàng năm khác:

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác đầu năm 2023 là 17.360,02 ha, đến cuối năm 2023 là 17.210,05 ha, giảm 149,97 ha. Trong đó thực giảm 152,97 ha do chuyển sang đất quốc phòng 2,04 ha (*Đất quốc phòng xã Đăk Kan*); đất an ninh 0,10 ha (*Nhà làm việc công an xã Đăk Ang*); đất cụm công nghiệp 5,00 ha (*Nhà máy sản xuất dây thun cao su xuất khẩu Công ty TNHH MTV Vận tải Minh Khôi Ngọc Hồi*), *tiểu thủ công nghiệp xã Pờ Y*), đất thương mại, dịch vụ 18,30 ha (*Đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics, kho bãi, dịch vụ CKQT Pờ Y; Đất thương mại, dịch vụ trong khu I,II,III*), đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 1,47 ha (*Dự án khai thác vàng gốc (2 mỏ); Dự án khai thác đá Secpentic*), đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm 19,68 ha; đất phát triển hạ tầng 93,81 ha (*Đường nội bộ khu đầu giá (khu bệnh viện cũ); Đường trung tâm phía Nam thị trấn Plei Kần; Hiện đại hóa thủy lợi trên địa bàn huyện Đăk Tô - Ngọc Hồi thuộc dự án "Hiện đại hóa thủy*

lợi thích ứng biến đổi khí hậu"; Hồ Ia Tun (Dự án Cụm hồ Đăk Rô Gia - Ia Tun); Thủy điện Đăk Pô Cô 1; ...); đất ở tại nông thôn 8,75 ha (chuyển mục đích sang đất ở; ...); đất ở đô thị 3,72 ha; đất phi nông nghiệp khác 0,10 ha. Đồng thời thực tăng 3,00 ha do đăng ký chuyển mục đích đất trồng lúa nước còn lại (LUK) sang đất trồng cây hàng năm (NHK).

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 17.207,05 ha.

* Đất trồng cây lâu năm:

Đầu năm 2023 đất trồng cây lâu năm có diện tích 19.509,59 ha, cuối năm 2023 còn 19.260,61 ha, giảm 248,98 ha. Trong đó, diện tích thực giảm 262,60 ha do chuyển mục đích sử dụng đất sang các loại đất như: Đất nông nghiệp khác 1,30 ha; đất quốc phòng 13,96 ha (Đất quốc phòng xã Đăk Kan); đất cụm công nghiệp 19,00 ha (Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp xã Pờ Y; ...); đất thương mại dịch vụ 36,84 ha (Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ thương mại xã Đăk Dục; Công trình thương mại, dịch vụ xã Pờ Y; Đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics, kho bãi, dịch vụ CKQT Pờ Y; ...); đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 10,80 ha (Dự án khai thác đá Sequent; Dự án khai thác vàng gốc (2 mỏ)); đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 18,16 ha; đất cơ sở hạ tầng 110,79 ha (Đường lên cột mốc biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia; Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ Quốc lộ 40 vào cửa khẩu Đăk Kôi - Kon Tuy Neak (Việt Nam - Cam Pu Chia); Công trình đường vào chợ xã Pờ Y; Đường liên xã Đăk Ang, Đăk Nông, Đăk Rơ Nga; Hiện đại hóa thủy lợi trên địa bàn huyện Đăk Tô - Ngọc Hồi thuộc dự án "Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu"; Kênh nhánh cấp 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi Đăk Long 1, huyện Ngọc Hồi; Thủy điện Đăk Pô Cô 1; Thủy điện Plei Kần; Dự án nhà máy điện gió Tân Tấn Nhật - Đăk Glei của công ty cổ phần Tân Tấn Nhật; Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn liên hợp huyện Ngọc Hồi (bãi rác huyện Ngọc Hồi); Chợ mới thị trấn Plei Kần; ...); đất khu vui chơi giải trí công cộng 3,00 ha (đất khu vui chơi trong khu dân cư trên địa bàn thị trấn: Khu dân cư mới thị trấn Plei Kần); đất ở tại nông thôn 7,48 ha (chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn); đất ở tại đô thị 35,93 ha (Mở rộng khu dân cư phía Đông thị trấn Plei Kần (Hai bên đường trung tâm TT Plei Kần; Dự án xây dựng khu đô thị mới Plei Kần (Khu dân cư mới thị trấn Plei Kần)...; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,54 ha (Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự xã Đăk Kan; Liên đoàn lao động huyện Ngọc Hồi); đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 4,80 ha (Trụ sở cơ quan, doanh nghiệp xã Pờ Y). Diện tích thực tăng 13,62 ha do đăng ký thực hiện: Chuyển mục đích đất nuôi trồng thủy sản qua đất trồng cây lâu năm.

Diện tích đất trồng cây lâu năm không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 19.246,99 ha.

* Đất rừng phòng hộ:

Đầu năm 2023 đất rừng phòng hộ có diện tích 7.148,79 ha, cuối năm 2023 còn 7.133,24 ha, giảm 15,55 ha do chuyển mục đích sử dụng đất sang đất xây dựng cơ sở hạ tầng (*Đường lên cột mốc biên giới Việt Nam - Lào – Campuchia; Hồ Ia Tun (Dự án Cụm hồ Đăk Rô Gia - Ia Tun); Thủy điện Đăk Roong và đầu nối đường dây 110kV - Trạm Pờ Y 1...*)

Diện tích đất rừng phòng hộ không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 7.133,24 ha.

* Đất rừng đặc dụng:

Đầu năm 2023 đất rừng đặc dụng có diện tích 10.732,30 ha, cuối năm 2023 là 10.732,30 ha, không bị biến động trong năm kế hoạch.

* Đất rừng sản xuất:

Đầu năm 2023 đất rừng sản xuất có diện tích 20.767,92 ha, cuối năm 2023 còn 20.684,86 ha, giảm 83,06 ha do chuyển mục đích sử dụng đất sang đất quốc phòng 43,62 ha (*Đất quốc phòng xã Đăk Kan*); đất thương mại dịch vụ 2,20 ha (*Công trình thương mại, dịch vụ xã Pờ Y*); đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 10,03 ha (*Dự án khai thác vàng gốc (2 mỏ)*), đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 0,52 ha (*Khai thác đất làm VLXD thông thường xã Pờ Y*); đất xây dựng cơ sở hạ tầng 26,69 ha (*Mở rộng đường bao phía tây thị trấn Plei Kần (điểm đầu giao với đường Nguyễn Văn Linh, điểm cuối giao tại Km0+882,5 đường bao phía Tây); Đường liên xã Đăk Ang, Đăk Nông, Đăk Rơ Nga; Hồ Ia Tun (Dự án Cụm hồ Đăk Rô Gia - Ia Tun); Trạm cắt 220kV Pờ Y và các đường dây 220kV đầu nối từ cụm nhà máy thủy điện Nam Kong 1, 2, 3 (Lào) vào Hệ thống điện Việt Nam;...*)

Diện tích đất rừng sản xuất không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 20.684,86 ha.

* Đất nuôi trồng thủy sản:

Đầu năm 2023, đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 607,54 ha, cuối năm 2023 còn 593,10 ha, giảm 14,44 ha do chuyển mục đích sử dụng đất sang đất trồng cây lâu năm 13,62 ha; đất quốc phòng 0,33 ha (*Đất quốc phòng xã Đăk Kan*); đất thương mại dịch vụ 0,22 ha (*Công trình thương mại, dịch vụ xã Pờ Y*); đất xây dựng cơ sở hạ tầng 0,27 ha (*Kênh nhánh cấp 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi Đăk Long 1, huyện Ngọc Hồi;...*)

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 593,10 ha.

* Đất nông nghiệp khác:

Diện tích đất nông nghiệp khác trong đầu năm 2023 là 28,98 ha, cuối năm 2023 là 30,28 ha, tăng 1,30 ha. Diện tích tăng nhằm thực hiện công trình: *Dự án nông nghiệp công nghệ cao trồng cây dược liệu, trồng nấm của ông Trần Văn Thương.*

Diện tích đất nông nghiệp khác không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 28,98 ha.

3.2.2. Đất phi nông nghiệp:

Trong kỳ kế hoạch tiếp tục chú trọng đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhằm giải quyết những tồn tại, khó khăn trong thực trạng, từng bước thúc đẩy phát triển kinh tế các ngành trong huyện.

Diện tích đất phi nông nghiệp đầu năm 2023 là 4.714,23 ha, đến cuối năm 2023 là 5.261,18 ha, tăng 546,95 ha. Cụ thể:

*** Đất quốc phòng:**

Đầu năm 2023 diện tích đất quốc phòng là 279,52 ha, đến cuối năm 2023 có 339,52 ha, tăng 60,00 ha. Trong đó, diện tích thực tăng 60,95 ha nhằm đăng ký thực hiện các công trình đất quốc phòng trên địa bàn xã Đăk Kan, xã Sa Loong, xã Đăk Nông. Đồng thời, diện tích thực giảm 0,95 ha do chuyển mục đích sử dụng đất sang đất xây dựng cơ sở hạ tầng (*Đường trung tâm phía Nam thị trấn Plei Kần; Đường trung tâm thị trấn Plei Kần (điểm đầu giao tại Km 1485+850 đường HCM, điểm cuối giao với Km 1489+500 đường HCM)*).

Diện tích đất quốc phòng không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 278,57 ha.

*** Đất an ninh:**

Đầu năm 2023 diện tích đất an ninh là 6,45 ha, đến cuối năm 2023 có 7,33 ha, tăng 0,88 ha nhằm đăng ký thực hiện các công trình: *Nhà làm việc công an xã Đăk Ang; xã Đăk Dục; xã Pờ Y; xã Đăk Kan; xã Đăk Xú; xã Đăk Nông; Sa Loong và thị trấn Plei Kần.*

Diện tích đất an ninh không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 6,45 ha.

*** Đất cụm công nghiệp:**

Diện tích đất cụm công nghiệp cuối năm 2023 là 26,50 ha. Trong năm kế hoạch đăng ký thực hiện các công trình: *Nhà máy sản xuất dây thun cao su xuất khẩu (Công ty TNHH MTV Vận tải Minh Khôi Ngọc Hôi) thuộc Cụm CN Nông Nghiệp II, xã Đăk Nông; Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp xã Pờ Y.*

*** Đất thương mại dịch vụ:**

Diện tích đất thương mại dịch vụ đầu năm 2023 là 4,83 ha, đến cuối năm 2023 là 64,80 ha, tăng 59,97 ha. Trong đó, diện tích thực tăng 61,57 ha được lấy từ đất trồng lúa 0,65 ha; đất trồng cây hàng năm khác 18,30 ha; đất trồng cây lâu năm 36,84 ha; đất rừng sản xuất 2,20 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,22 ha; đất sản xuất phi nông nghiệp 2,20 ha; đất phát triển hạ tầng 0,18 ha; đất ở tại nông thôn 0,22 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,10 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,44 ha; đất chưa sử dụng 0,22 ha. Diện tích tăng do đăng ký thực hiện các công trình: *Cửa hàng xăng dầu Đăk Dục; Cửa hàng xăng dầu Pờ Y; Cửa hàng xăng dầu Plei Kần 02; Cửa hàng xăng dầu Plei Kần 01; Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ thương mại xã Đăk Dục...* Đồng thời diện tích thực giảm 1,60 ha do chuyển mục đích sử dụng đất cụm công nghiệp 1,50 ha (*Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp xã Pờ Y*); đất an ninh 0,1 ha (*Nhà làm việc công an xã Sa Loong*).

Diện tích đất thương mại dịch vụ không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 3,23 ha.

* Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đầu năm 2023 là 96,59 ha, đến cuối năm 2023 là 94,39 ha, giảm 2,20 ha do chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thương mại dịch vụ (*Công trình thương mại, dịch vụ xã Pờ Y; ...*).

Diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 94,39 ha.

* Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản cuối năm 2023 là 22,30 ha. Trong năm kế hoạch đăng ký thực hiện các công trình: *Dự án khai thác đá Sceptentic xã Pờ Y; Dự án khai thác vàng gốc (2 mỏ)*.

* Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:

Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm đầu năm 2023 là 97,82 ha, đến cuối năm 2023 là 137,40 ha, tăng 39,58 ha được lấy từ đất trồng cây hàng năm 19,68 ha, đất trồng cây lâu năm 18,16 ha, đất trồng rừng sản xuất 0,52 ha, đất chưa sử dụng 1,22 ha. Diện tích tăng do đăng ký thực hiện công trình: *Dự án Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường (2 vị trí) xã Pờ Y; Mở rộng mỏ khai thác đá hợp tác xã Vạn Thành xã Đăk Nông; Khai thác đất làm VLXD thông thường xã Đăk Xú; Khai thác đất làm VLXD thông thường xã Sa Loong; Mỏ cát Minh Khôi TT Plei Kần...*

Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 97,82 ha.

* Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:

Đầu năm 2023 đất phát triển hạ tầng có 1.897,09 ha, đến cuối năm 2023 có 2.238,57 ha, tăng 341,48 ha. Trong đó, diện tích thực tăng là 343,57 ha lấy từ đất trồng lúa 9,28 ha; đất trồng cây hàng năm khác 93,81 ha; đất trồng cây lâu năm 110,79 ha; đất trồng rừng sản xuất 26,69 ha, đất rừng phòng hộ 15,55 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,27 ha; đất quốc phòng 0,95 ha; đất ở tại nông thôn 0,01 ha; đất ở tại đô thị 3,67 ha; đất sông ngòi kênh rạch suối 62,41 ha; đất chưa sử dụng 20,14 ha. Đồng thời, diện tích thực giảm 3,65 ha do chuyển mục đích sử dụng đất sang đất quốc phòng 0,50 ha; đất an ninh 0,43 ha; đất thương mại dịch vụ 0,18 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,51 ha; đất ở tại đô thị 0,47 ha.

Diện tích đất phát triển hạ tầng không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 1.893,44 ha.

* Đất sinh hoạt cộng đồng:

Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng cuối năm 2023 là 2,68 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

* Đất khu vui chơi giải trí công cộng

Diện tích đất khu vui chơi giải trí công cộng đầu năm 2023 có 0,66 ha, cuối năm 2023 là 4,17 ha, tăng 3,51 ha được lấy từ đất trồng cây lâu năm 3,00 ha, đất hạ tầng 0,51 ha để đăng ký thực hiện công trình: *Các khu vui chơi giải trí trong khu dân cư.*

Diện tích đất khu vui chơi giải trí công cộng không thay đổi mục đích sử dụng sử dụng đất năm 2023 là 0,66 ha.

* Đất ở tại nông thôn:

Diện tích đất ở tại nông thôn đầu năm 2023 có diện tích 610,97 ha, đến cuối năm 2023 có 626,77 ha, tăng 15,80 ha. Trong đó thực tăng 16,23 ha lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 8,75 ha; đất trồng cây lâu năm 7,48 ha. Diện tích tăng do đăng ký thực hiện các công trình như: *chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở.* Đồng thời thực giảm 0,43 ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,22 ha; đất phát triển hạ tầng 0,01 ha, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,20 ha.

Diện tích đất ở tại nông thôn không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 610,54 ha.

* Đất ở tại đô thị:

Đầu năm 2023 đất ở tại đô thị có 183,60 ha, đến cuối năm 2023 có 220,18 ha, tăng 36,58 ha. Trong đó thực tăng 40,25 ha lấy từ đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,13 ha; đất trồng cây hàng năm 3,72 ha; trồng cây lâu năm 35,93 ha; đất hạ tầng 0,47 ha. Diện tích tăng để thực hiện một số công trình như: *Mở rộng khu dân cư phía Đông thị trấn Plei Kần (Hai bên đường trung tâm TT Plei Kần); Dự án xây*

dựng khu đô thị mới Plei Kần (Khu dân cư mới thị trấn Plei Kần; Đề án Khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông khu vực phía Nam thị trấn Plei Kần (Khu dân cư Phía Nam thị trấn Plei Kần); ... và chuyển mục đích sang đất ở. Đồng thời thực giảm 3,67 ha do chuyển mục đích sử dụng đất sang đất phát triển hạ tầng.

Diện tích đất ở tại đô thị không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 179,93 ha.

* Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Đầu năm 2023 diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 30,26 ha, đến cuối năm 2023 có 30,56 ha, giảm 0,30 ha. Trong đó, diện tích thực giảm 0,24 ha do chuyển mục đích sử dụng đất sang đất an ninh 0,14 ha (*Nhà làm việc công an xã Đăk Dục*), đất thương mại dịch vụ 0,10 ha (*Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ thương mại xã Đăk Dục*).

Đồng thời, diện tích thực tăng 0,54 ha được lấy từ đất trồng cây lâu năm do đăng ký thực hiện công trình: *Xây dựng trung tâm VHTT phục vụ công nhân lao động và đoàn viên công đoàn kết hợp xây dựng trụ sở làm việc của liên đoàn lao động huyện Ngọc Hồi; Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự xã Đăk Kan.*

Đất xây dựng trụ sở cơ quan không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 30,02 ha.

* Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:

Đầu năm 2023 diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 6,86 ha, đến cuối năm 2023 có 11,86 ha, tăng 5,00 ha, diện tích tăng được lấy từ đất trồng cây lâu năm 4,80 ha; đất ở tại nông thôn 0,20 ha để thực hiện công trình: *Trụ sở cơ quan, doanh nghiệp xã Pờ Y; Xây dựng trụ sở làm việc công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi; Xây dựng trụ sở làm việc công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi.*

Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 6,86 ha.

* Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Đầu năm 2023 có 1.301,26 ha, đến cuối năm 2023 có 1.238,85 ha, giảm 62,41 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng để thực hiện công trình: *Đường trung tâm phía Nam thị trấn Plei Kần; Đường trung tâm thị trấn Plei Kần (điểm đầu giao tại Km 1485+850 đường HCM, điểm cuối giao với Km 1489+500 đường HCM); Đường liên xã Đăk Ang, Đăk Nông, Đăk Rơ Nga; Hiện đại hóa thủy lợi trên địa bàn huyện Đăk Tô - Ngọc Hồi thuộc dự án "Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu"; Thủy điện Plei Kần Hạ; Thủy điện Đăk Pô Cô 1...*

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 1.238,85 ha.

* Đất có mặt nước chuyên dùng: Đầu năm 2023 có 195,19 ha, cuối năm 2023 là 194,75 ha, giảm 0,44 ha do chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thương mại dịch vụ 0,44 ha.

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 194,75 ha.

* Đất phi nông nghiệp khác:

Đầu năm 2023 có 0,45 ha; Đất phi nông nghiệp khác cuối năm 2023 là 0,55 ha; tăng 0,10 ha được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác.

3.2.3. Đất chưa sử dụng:

Diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn huyện đầu năm 2023 là 1.363,33 ha, đến cuối năm 2023 còn 1.340,14 ha, giảm 23,19 ha do chuyển sang đất quốc phòng 0,50 ha; đất an ninh 0,11 ha; đất cụm công nghiệp 1,00 ha; đất thương mại dịch vụ 0,22 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 1,22 ha; đất phát triển hạ tầng 20,14 ha.

Diện tích đất chưa sử dụng không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 1.340,14 ha.

3.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 523,76 ha. Trong đó:
- + Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp: 10,06 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 152,97 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 261,30 ha;
- + Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp: 15,55 ha;
- + Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp: 83,06 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp: 0,82 ha;
- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở 0,47 ha.

(Chi tiết xem tại biểu 07/CH)

3.4. Diện tích đất cần thu hồi

3.4.1. Đất nông nghiệp:

Tổng diện tích đất nông nghiệp phải thu hồi trong năm kế hoạch năm 2023 là 541,68 ha. Trong đó: đất trồng lúa 13,06 ha; đất trồng cây hàng năm khác 152,97

ha; đất trồng cây lâu năm 262,60 ha, đất rừng phòng hộ 15,55 ha; đất rừng sản xuất 83,06 ha; đất nuôi trồng thủy sản 14,44 ha.

3.4.2. Đất phi nông nghiệp:

Đến cuối năm 2023, diện tích đất phi nông nghiệp phải thu hồi để chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác trong nội bộ đất phi nông nghiệp là 75,59 ha. Trong đó: Đất quốc phòng 0,95 ha; đất thương mại dịch vụ 1,60 ha; đất sản xuất phi nông nghiệp 2,20 ha; đất phát triển hạ tầng 3,65 ha; đất ở tại nông thôn 0,43 ha; đất ở tại đô thị 3,67 ha; đất trụ sở cơ quan 0,24 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch suối 62,41 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,44 ha.

(Chi tiết xem tại biểu 08/CH)

3.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

- Trong năm kế hoạch diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích đất phi nông nghiệp là 23,19 ha. Trong đó: đất quốc phòng 0,50 ha; đất an ninh 0,11 ha; đất cụm công nghiệp 1,00 ha; đất thương mại dịch vụ 0,22 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 1,22 ha; đất phát triển hạ tầng 20,14 ha.

(Chi tiết xem tại biểu 09/CH)

3.6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2023

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Nhà trực quản giáo, hỏi cung, thăm gặp và tiếp tế tại Công an huyện Ngọc Hồi	0,30	0,30	0,00	CAN	TT Plei Kân	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 255/QĐ - CAT-PH41 phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nhà trực giáo, hỏi cung, thăm gặp và tiếp tế tại Công an huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.)

2	Đất quốc phòng xã Đăk Kan (Trường bản, thao trường huấn luyện huyện Ngọc Hồi)	50,00		50,00	CQP	xã Đăk Kan	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trường bản, thao trường huấn luyện huyện Ngọc Hồi; Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 25/2/2022 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trường bản, thao trường huấn luyện huyện Ngọc Hồi)
3	Chốt dân quân thường trực xã Sa Loong	3,00		3,00	CQP	xã Sa Loong	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025)
4	Nhà làm việc công an xã Đăk Dục	0,11		0,11	CAN	Xã Đăk Dục	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Công văn 166/BCA-H2 ngày 26/3/2022 về việc quy hoạch, bố trí quỹ đất an ninh để xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Bộ Công an trên toàn quốc)
5	Nhà làm việc công an xã Đăk Nông	0,20		0,20	CAN	xã Đăk Nông	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Công văn 166/BCA-H2 ngày 26/3/2022 về việc quy hoạch, bố trí quỹ đất an ninh để xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Bộ Công an trên toàn quốc)
6	Nhà làm việc công an xã Đăk Ang	0,10		0,10	CAN	xã Đăk Ang	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Công văn 166/BCA-H2 ngày 26/3/2022 về việc quy hoạch, bố trí quỹ đất an ninh để xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Bộ Công an trên toàn quốc)
7	Nhà làm việc công an xã Sa Loong	0,10		0,10	CAN	xã Sa Loong	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Công văn 166/BCA-H2 ngày 26/3/2022 về việc quy hoạch, bố trí quỹ đất an ninh để xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Bộ Công an trên toàn quốc)
8	Nhà làm việc công an xã Pờ Y	0,09		0,09	CAN	Xã Pờ Y	KHSDD 2023 (Công văn 166/BCA-H2 ngày 26/3/2022 về việc quy hoạch, bố trí quỹ đất an ninh để xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Bộ Công an trên toàn quốc)
9	Đất quốc phòng xã Đăk Nông	7,95		7,95	CQP	xã Đăk Nông	KHSDD 2023

10	Nhà làm việc công an xã Đăk Kan	0,23		0,23	CAN	Xã Đăk Kan	KHSDD 2023 (Công văn 166/BCA-H2 ngày 26/3/2022 về việc quy hoạch, bố trí quỹ đất an ninh để xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Bộ Công an trên toàn quốc)
11	Nhà làm việc công an xã Đăk Xú	0,05		0,05	CAN	xã Đăk Xú	KHSDD 2023 (Công văn 166/BCA-H2 ngày 26/3/2022 về việc quy hoạch, bố trí quỹ đất an ninh để xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Bộ Công an trên toàn quốc)
12	Nhà làm việc công an thị trấn Plei Kần	4,17		4,17	CAN	TT Plei Kần	KHSDD 2023 (Công văn 166/BCA-H2 ngày 26/3/2022 về việc quy hoạch, bố trí quỹ đất an ninh để xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Bộ Công an trên toàn quốc)
13	Nhà máy sản xuất dây thun cao su xuất khẩu (Công ty TNHH MTV Vận tải Minh Khôi Ngọc Hôi) (Trong Cụm CN Nông Nhảy II)	1,50		1,50	SKN	xã Đăk Nông	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 19/QĐ-BQLKKT ngày 17/2/2022 của BQLKKT tỉnh)
14	Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	25,00		25,00	SKN	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 19/QĐ-BQLKKT ngày 17/2/2022 của BQLKKT tỉnh QĐ 1213/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh Ban hành đề án Phát triển KKT, các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, có tính đến 2030)
15	Dự án khai thác đá Sceptic	2,70		2,70	SKS	xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 8/11/2021 của UBND tỉnh Kon Tum V/v bổ sung dự án vào điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Ngọc Hôi; Giấy thăm dò số 412/GP-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Kon Tum.)

16	Dự án khai thác vàng gốc (2 mỏ)	19,60		19,60	SKS	xã Đăk Kan	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 6/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030)
17	Đường lên cột mốc biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia	15,00		15,00	DGT	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/10/2021 của HĐND tỉnh về việc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum (kinh phí 34.460 triệu đồng)
18	Đường nội bộ khu đấu giá (khu bệnh viện cũ)	0,50		0,50	DGT	Thị trấn Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ngọc Hồi (Kinh phí 1.990 triệu đồng)(Tọa độ (1): 1625122,48 519582,64; (2): 1625246, 519616,87; (3): 1625255,69 519619,56; 4: 1625489,25 519684,27; (5): 1625555,82 1972,72))
19	Đường trung tâm phía Nam thị trấn Plei Kần	12,00		12,00	DGT	TT Plei Kần, xã Đăk Xú	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Kon Tum)
20	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ Quốc lộ 40 vào cửa khẩu Đăk Kôi -Kon Tuy Neak (Việt Nam - Cam Pu Chia)	2,90		2,90	DGT	xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp
21	Công trình đường vào chợ xã Pờ Y	0,05		0,05	DGT	xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Kế hoạch đầu tư công năm 2021 của huyện Ngọc Hồi)
22	Đường trung tâm thị trấn Plei Kần (điểm đầu giao tại Km 1485+850 đường HCM, điểm cuối giao với Km1489+500 đường HCM)	19,20	3,41	15,79	DGT	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng Công trình: Đường trung tâm thị trấn Plei Kần (điểm đầu giao tại Km 1485+850 Đường Hồ Chí Minh, điểm cuối giao tại Km 1489+5 đường Hồ Chí Minh))

23	Đường Hoàng Thi Loan nối dài	1,43		1,43	DGT	TT Plei Kần, xã Đăk Xú	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ngọc Hồi (Kinh phí 5.000 triệu đồng))
24	Mở rộng đường bao phía tây thị trấn Plei Kần (điểm đầu giao với đường Nguyễn Văn Linh, điểm cuối giao tại Km0+882,5 đường bao phía Tây)	0,30		0,30	DGT	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ngọc Hồi (Kinh phí 9.000 triệu đồng))
25	Dự án hỗ trợ phát triển KT-XH dân tộc thiểu số rất ít người Bờu, thôn Đăk Mế - đường giao thông	5,25		5,25	DGT	xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình: Xây dựng các công trình thực hiện Đề án “Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội dân tộc thiểu số rất ít người Bờu tỉnh Kon Tum đến năm 2025”)
26	Đường liên xã Đăk Ang, Đăk Nông, Đăk Rơ Nga	13,00	2,07	10,93	DGT	xã Đăk Nông, xã Đăk Ang	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định 392/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc giao triển khai chủ trương đầu tư dự án; Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ngọc Hồi (Kinh phí 160.000 triệu đồng))
27	Khắc phục sửa chữa đường lên chốt dân quân thường trực Pờ Y	0,50	0,08	0,42	DGT	xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (QĐ 2682/QĐ-UBND ngày 3/12/2021 của UBND huyện phê duyệt chủ trương nâng cấp sửa chữa đường lên chốt dân quân thường trực xã Pờ Y; Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 (Kinh phí 1.400 triệu đồng))

28	Khắc phục đoạn sạt lở mái taluy dương và nền mặt đường N5 - KKT CKQT Pờ Y.	2,00		2,00	DGT	TT Plei Kần, xã Đăk Xú	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Công văn số 3888/UBND-KTTH ngày 15/11/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc chủ trương sử dụng nguồn thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trong khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Pờ Y)
29	Quốc môn cửa khẩu Quốc tế Pờ Y, tỉnh Kon Tum	1,00		1,00	DGT	xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 8/12/2020 Về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Quốc môn Cửa khẩu quốc tế Bờ Y, tỉnh Kon Tum)
30	Dự án hỗ trợ phát triển KT-XH dân tộc thiểu số rất ít người Brâu, thôn Đăk Mế công trình thủy lợi	2,17		2,17	DTL	xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Kon Tum) Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình: Xây dựng các công trình thực hiện Đề án “Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội dân tộc thiểu số rất ít người Brâu tỉnh Kon Tum đến năm 2025”
31	Kênh nhánh cấp 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi Đăk Long 1, huyện Ngọc Hồi	1,50		1,50	DTL	xã SaLoong	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 489/QĐ-BNNTCTL ngày 19/1/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án: Thiết kế BVTC-DT, KH lựa chọn nhà thầu hạng mục Kênh nhánh cấp 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi Đăk Long 1)
32	Hiện đại hóa thủy lợi trên địa bàn huyện Đăk Tô - Ngọc Hồi thuộc dự án "Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu"	13,80		13,80	DTL	xã Sa Loong	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị quyết số 7/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Kon Tum Về việc đăng ký Danh mục dự án bố trí Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài nguồn NSTW cấp phát giai đoạn 2021-2025 đối với Dự án "Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Kon Tum")
33	Hồ Ia Tun (Dự án Cùm hồ Đăk Rô Gia - Ia Tun)	35,20	0,34	34,86	DTL	Xã Đăk Ang	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 3189/QĐ-BNN-KH, ngày 19/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chủ trương đầu tư Dự án Cùm hồ Đăk Rô Gia - Ia Tun. Tổng mức đầu tư: 1.033 tỷ đồng; Vốn giai đoạn 2021-2025: 510 tỷ đồng; Tiến độ thực hiện từ năm 2023-2026)

34	Nạo vét lòng hồ cung cấp nước cho Nhà máy nước sạch Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Pờ Y (Hồ Lạc Long Quân)	1,83	1,83		DTL	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 111/QĐ-UBND Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nạo vét lòng hồ cung cấp nước cho Nhà máy nước sạch Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (Hồ Lạc Long Quân); Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum kinh phí: 14,850 triệu đồng)
35	Mở rộng bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi	1,24		1,24	DYT	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 26/8/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum về chủ trương đầu tư và bổ sung trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 của dự án đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 3 bệnh viện đa khoa khu vực, trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Kon Tum)
36	Chợ kết hợp trung tâm dịch vụ thương mại	5,20		5,20	DCH	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ngọc Hồi (Kinh phí 3.000 triệu đồng)
37	Nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Đăk Ang, huyện Ngọc Hồi	0,24		0,24	DGD	Xã Đăk Ang	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 5/1/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Chấp thuận bổ sung dự án vào điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Ngọc Hồi)
38	Khu liên hợp thể dục thể thao huyện Ngọc Hồi	7,03	1,40	5,63	DTT	xã Đăk Xú	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/12/22 của UBND huyện Ngọc Hồi)

39	Trạm cắt 220kV Pờ Y và các đường dây 220kV đấu nối từ cụm nhà máy thủy điện Nam Kong 1, 2, 3 (Lào) vào Hệ thống điện Việt Nam	22,65		22,65	DNL	xã Đăk Xú; xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ngọc Hồi (Kinh phí 4.700 triệu đồng); Quyết định số 1214/TTg-CN V/v chủ trương nhập khẩu điện từ Cụm nhà máy thủy điện NamKong 1,2,3 nhà máy thủy điện Nam Emoun (Lào) và các công trình lưới điện 220kV phục vụ đầu nối
40	Thủy điện Plei Kần Hạ	35,57		35,57	DNL	TT Plei Kần, Xã Đăk Kan	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 31/1/2019 của UBND tỉnh Kon Tum quyết định chủ trương đầu tư Dự án: thủy điện Plei Kần Hạ của Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tân PhướcQuyết định số 674/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 của UBND tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Thủy điện Plei Kần Hạ)
41	Dự án nhà máy điện gió Tân Tấn Nhật - Đăk Glei của công ty cổ phần Tân Tấn Nhật.	2,84		2,84	DNL	xã Đăk Dục, xã Đăk Nông	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 8/9/2020 chủ trương đầu tư và công văn 4191/UBND-KTHT ngày 9/11/2020 về thỏa thuận vị trí xây dựng trạm biến áp 110kV và hướng tuyến đường dây 110kV đấu nối nhà máy điện gió Tân Tấn Nhật)
42	Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi (Hạng mục: Thi công xây dựng lưới điện huyện Ngọc Hồi sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi)	16,64		16,64	DNL	xã Đăk Kan, xã Đăk Xú, xã Đăk Ang, xã SaLoon g, xã Đăk Dục	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HDND tỉnh Kon Tum)
43	Thủy điện Đăk Pô Cô 1	83,30		83,30	DNL	Xã Đăk Dục, Xã Đăk Ang, Đăk Nông	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư

44	Đầu nối đường dây điện (Thủy điện Plei Kần)	2,71		2,71	DNL	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị quyết số 88/216/NQ-HĐND ngày 9/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (Đang thực hiện đầu nối đường dây điện)
45	Nhà thờ Sa Loong	1,84		1,84	TON	Sa Loong	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Văn bản số 143/SNV-TG ngày 22/7/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum)
46	Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn liên hợp huyện Ngọc Hồi	6,80		6,80	DRA	xã Đăk Kan	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định 144/QĐ-UBND ngày 03/03/2021 của UBND tỉnh Kon Tum Về việc điều chỉnh Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Khu xử lý chất thải rắn liên hợp huyện Ngọc Hồi)
47	Nhà máy xử lý rác thải huyện Ngọc Hồi và vùng phụ cận (Công ty CP ECO-H)	14,80		14,80	DRA	xã Đăk Kan, TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp
48	Mở rộng khu dân cư phía Đông thị trấn Plei Kần (Hai bên đường trung tâm TT Plei Kần)	8,00		8,00	ODT	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ngọc Hồi (Kinh phí 5.000 triệu đồng)
49	Dự án xây dựng khu đô thị mới Plei Kần (Khu dân cư mới thị trấn Plei Kần)	30,35		30,35	ODT	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Công trình đã thực hiện xong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đề nghị chuyển tiếp để thực hiện) Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 5/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi về việc triển khai Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 3 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư mới thị trấn Plei Kần.
50	Đề án Khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông khu vực phía Nam thị trấn Plei Kần (Khu dân cư Phía Nam thị trấn Plei Kần)	6,00		6,00	ODT	Thị trấn Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định 2566/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương huyện Ngọc Hồi (Kinh phí 3.300 triệu đồng)

51	Xây dựng trung tâm VHTT phục vụ công nhân lao động và đoàn viên công đoàn kết hợp xây dựng trụ sở làm việc của liên đoàn lao động huyện Ngọc Hồi	0,26		0,26	TSC	TT Plei Kân	KHSDD 2022 chuyển tiếp
52	Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự xã Đăk Kan	1,03	0,75	0,28	TSC	xã Đăk Kan	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 2697/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc phê duyệt chủ trương xây dựng công trình Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự xã Đăk Kan)
53	Trụ sở cơ quan, doanh nghiệp	5,00		5,00	DTS	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Kon Tum; Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 24/10/2014 của UBND tỉnh; Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 24/10/2014 của UBND tỉnh)
54	Mở rộng Trường PT DTBT THCS Ngô Quyền	1,20	0,77	0,43	DGD	Xã Đăk Ang	KHSDD 2023 (Nghị Quyết số 22/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phân bổ chi tiết vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình MTQG năm 2022 trên địa bàn huyện Ngọc Hồi(Kinh phí 6.769 triệu đồng)
55	Thủy điện Đăk Roong và đầu nối đường dây 110kV - Trạm Pờ Y 1	17,66		17,66	DNL	xã Đăk Ang	KHSDD 2023 (Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Thủy điện Đăk Roong)
56	Đường vào khu xử lý bãi rác tập trung của huyện	3,00	1,00	2,00	DGT	TT Plei Kân, xã Đăk Kan	KHSDD 2023 (Kế hoạch năm 2023. Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình)
57	Chuyển mục đích đất nuôi trồng thủy sản (NTS) sang cây lâu năm (CLN)	13,62		13,62	CLN	xã Đăk Kan	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu hộ gia đình cá nhân)
58	Mở rộng mỏ khai thác đá hợp tác xã Vạn Thành	4,00	1,51	2,49	SKX	xã Đăk Nông	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
	Mở rộng sân công nghiệp hợp tác xã Vạn Thành	1,00	0,90	0,10	PNK	xã Đăk Nông	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)

59	Khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT (Thanh Ngọc)	2,50		2,50	SKX	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 2/2/2021 Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư khai thác mỏ đá xây dựng thôn I ệc , xã Pờ Y, Tỉnh Kon Tum)
	Sân công nghiệp phục vụ khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT (Thanh Ngọc)	1,12	1,12		PNK	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 2/2/2021 Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư khai thác mỏ đá xây dựng thôn I ệc , xã Pờ Y, Tỉnh Kon Tum)
60	Mỏ cát Minh Khôi	0,90	0,90		SKX	TT Plei Kân	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
	Xây dựng sân công nghiệp phục vụ khai thác khoáng sản làm VLXDĐT	0,10	0,10		PNK	TT Plei Kân	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
61	Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (Công ty TNHH Đức Tiên)	1,00	1,00		SKX	TT Plei Kân	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
62	Khai thác cát làm VLXDĐT (Công ty TNHH 87)	1,84	1,60	0,24	SKX	Xã Đăk Dục	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
63	Đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường (Cty CP khoáng sản Sài Gòn - Pờ Y)	12,30		12,30	SKX	Xã Đăk Nông	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
64	Khai thác đá làm VLXD thông thường (Công ty TNHH xây lắp và thương mại Hoàng Quân)	1,80	1,05	0,75	SKX	Xã Đăk Nông	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
65	Dự án Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường (2 vị trí)	6,50		6,50	SKX	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
66	Khai thác đất làm VLXD thông thường xã Đăk Xú	4,90		4,90	SKX	xã Đăk Xú	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
67	Khai thác đất làm VLXD thông thường xã Đăk Xú	2,60		2,60	SKX	xã Đăk Xú	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
68	Khai thác đất làm VLXD thông thường xã Pờ Y	3,80		3,80	SKX	xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
69	Khai thác đất làm VLXD thông thường xã Sa Loong	3,50		3,50	SKX	xã Sa Loong	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)

70	Điểm trường tiểu học huyện chuyển mục đích sang đất khu vui chơi giải trí	0,51		0,51	DKV	xã SaLoon g	KHSDD 2022 chuyển tiếp
71	Cửa hàng xăng dầu Đăk Dục	0,06			TMD	Xã Đăk Dục	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
72	Cửa hàng xăng dầu Pờ Y	0,11			TMD	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
73	Cửa hàng xăng dầu Plei Kần 02	0,25			TMD	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
74	Cửa hàng xăng dầu Plei Kần 01	0,19			TMD	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu của doanh nghiệp)
75	Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ thương mại.	0,35		0,35	TMD	Xã Đăk Dục	KHSDD 2022 chuyển tiếp
76	Công trình thương mại, dịch vụ	52,22		52,22	TMD	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Kon Tum; Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 24/10/2014 của UBND tỉnh; Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 24/10/2014 của UBND tỉnh)
76,1	<i>Khu trưng bày, giới thiệu sản phẩm và dịch vụ</i>	1,63		1,63	TMD	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp
76,2	<i>Đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics, kho bãi, dịch vụ CKQT Pờ Y</i>	12,00		12,00	TMD	Xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp
77	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	0,72		0,72	ONT	xã Pờ Y	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu hộ gia đình cá nhân)
78	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	0,90		0,90	ONT	xã SaLoon g	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu hộ gia đình cá nhân)
79	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	0,77		0,77	ONT	xã Đăk Nông	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu hộ gia đình cá nhân)
80	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	0,75		0,75	ONT	xã Đăk Kan	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu hộ gia đình cá nhân)
81	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	0,73		0,73	ONT	xã Đăk Dục	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu hộ gia đình cá nhân)
82	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	0,50		0,50	ONT	xã Đăk Ang	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu hộ gia đình cá nhân)
83	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở đô thị	0,05		0,05	ODT	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Nhu cầu hộ gia đình cá nhân)

84	Chuyển mục đích đất trồng lúa nước còn lại (LUK) sang đất trồng cây hàng năm (NHK)	3,00		3,00	HNK	xã Pờ Y	KHSDD 2023 (Nhu cầu của hộ gia đình cá nhân)
85	Dự án nông nghiệp công nghệ cao trồng cây dược liệu, trồng nấm của ông Trần Văn Thường	2,50	1,20	1,30	NKH	xã Đăk Xú	KHSDD 2023 (Nhu cầu của hộ gia đình cá nhân)
86	Đầu tư cơ sở hạ tầng điếm du lịch cộng đồng thôn Đăk Răng, xã Đăk Dục (GPMB mở rộng khuôn viên và chỉnh trang một số hạng mục...)	5,00		5,00	TMD	Xã Đăk Dục	KHSDD 2023 (Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện Ngọc Hồi)
87	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	2,60		2,60	ONT	xã Pờ Y	Nhu cầu sử dụng đất của địa phương
88	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	0,42		0,42	ONT	xã SaLoon g	Nhu cầu sử dụng đất của địa phương
89	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	1,24		1,24	ONT	xã Đăk Nông	Nhu cầu sử dụng đất của địa phương
90	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	0,95		0,95	ONT	xã Đăk Kan	Nhu cầu sử dụng đất của địa phương
91	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn	6,65		6,65	ONT	Đăk Xú	Nhu cầu sử dụng đất của địa phương
92	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở đô thị	6,00		6,00	ODT	TT Plei Kần	Nhu cầu sử dụng đất của địa phương
93	Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thành phố, thành phố của tỉnh Kon Tum (KfW 3.1)	0,08		0,08	DNL	TT Plei Kần, Đăk Kan	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Đăng ký để làm thủ tục hồ sơ giao đất)
94	Đấu giá quyền sử dụng đất Khu bệnh viện cũ - Đường Nguyễn Huệ	0,60			ODT	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định 1571/QĐ-UBND của UBND huyện Ngọc Hồi về việc đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất năm 2021)

95	Đấu giá quyền sử dụng đất Khu dân cư mới - Khu trung tâm hành chính mới huyện Ngọc Hồi	12,70			ODT	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Kon Tum về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Ngọc Hồi để xây dựng công trình mở rộng khu dân cư trung tâm hành chính mới huyện Ngọc Hồi; Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất số 496/QĐ-UBND ngày 01/4/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi)
96	Đấu giá quyền sử dụng lô đất Đường Nguyễn trung trực - Tô Vĩnh Diện	0,02			ODT	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định 1571/QĐ-UBND của UBND huyện Ngọc Hồi về việc đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất năm 2021)
97	Đấu giá lô đất quy hoạch trung tâm hành chính (Khu dân cư mới)	0,02			ODT	TT Plei Kần	KHSDD 2022 chuyển tiếp (Quyết định 1571/QĐ-UBND của UBND huyện Ngọc Hồi về việc đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất năm 2021)
98	Giao đất ở cho cán bộ, công chức, viên chức chuyển nơi công tác theo quyết định điều động của cơ quan có thẩm quyền	0,04	0,04		ODT	TT Plei Kần	Nhu cầu sử dụng đất của địa phương
99	Giao đất các thửa đất nhỏ hẹp do nhà nước quản lý	0,03	0,03		ODT	TT Plei Kần	Tờ 35 thửa 216,217,218 (Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND huyện ngọc hồi về việc phê duyệt danh mục các thửa đất nhỏ hẹp do nhà nước quản lý tại địa bàn thị trấn Plei Kần)
100	Xây dựng trụ sở làm việc công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi	0,22	0,22		DTS	Pờ Y	KHSDD 2023 (Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hồi)
		0,80	0,80		DTS	Đăk Nông	KHSDD 2023 (Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hồi)
101	Thuê đất bổ sung trồng rừng sản xuất của Công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam	16,89	16,89		RSX	Xã Đăk Xú	Công văn số 4308/UBND-NNTN ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thực hiện kết luận thanh tra đối với công ty Nguyên liệu
		274,35	274,35		RSX	Xã Đăk Kan	

		30,43	30,43		RSX	Xã Đăk Dục	giấy Miền Nam
--	--	-------	-------	--	-----	---------------	---------------

3.7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2023

3.7.1. Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai:

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử đất năm 2023 của huyện Ngọc Hồi được dựa trên các căn cứ chính sau:

- Nghị định 44/2014/CP ngày 15/05/ 2014 của Chính phủ về quy định giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/ 05/ 2014 của Chính phủ về việc thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật Đất đai.
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/ 05/ 2014 của Chính phủ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Kon Tum Ban hành bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
- Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
- Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của UBND tỉnh Kon Tum Quy định mức tỷ lệ (%) tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
- Quyết định 52/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Kon Tum quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

3.7.2. Dự tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023

- Tổng nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất là 666.694.600.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu tỷ, sáu trăm chín mươi bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng). Nguồn thu này chưa tính các khoản hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh, doanh nghiệp và đóng góp của nhân dân.

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Đ.giá (1.000 đ/m ²)	Hệ sinh điều chỉnh năm 2022	Đ.giá năm 2022 (1.000đ/m ²)	Đ.giá (1.000 đ/ha)	Thành tiền (1.000 đ/ha)	Ghi chú
	Dự kiến các nguồn thu:						666.694.600	
1	Thu từ giao đất ở tại đô thị	40,25	650	1,37	890,5	8.905.000	358.426.250	TT Plei Kần
2	Thu từ giao đất ở tại nông thôn	16,23	250	1,21	302,5	3.025.000	49.095.750	Các xã
3	Thu từ thuê đất thương mại dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất cụm công nghiệp (TMD, SKC, SKN)	4,00	520	1,37	712,4	7.124.000	28.496.000	TT Plei Kần
		84,07	200	1,21	242	2.420.000	203.449.400	Các xã
4	Thu từ thuê đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	22,30	40	1,1	44	440.000	9.812.000	Các xã
5	Thu từ thuê đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	39,58	40	1,1	44	440.000	17.415.200	Các xã

- Tổng chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 426.974.518.000 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu tỷ, chín trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm mười tám nghìn đồng). Nguồn chi này chưa tính chi phí đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi như giao thông, nhà sinh hoạt cộng đồng, trường học,...

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Đ.giá (1.000 đ/m ²)	Hệ sinh điều chỉnh năm 2022	Đ.giá năm 2022 (1.000đ/m ²)	Đ.giá (1.000 đ/ha)	Thành tiền (1.000 đ/ha)	Ghi chú
	Dự kiến các khoản chi:						426.974.518	
1	Chi cho thu hồi đất trồng lúa còn lại	1,36	16	1,6	25,6	256.000	348.160	TT Plei Kần
		8,70	15	1,6	24	240.000	2.088.000	Các xã
2	Chi cho thu hồi đất trồng cây hàng năm còn lại	24,15	11	2	22	220.000	5.313.000	TT Plei Kần
		128,82	10	1,75	17,5	175.000	22.543.500	Các xã
3	Chi cho thu hồi	72,50	10	2	20	200.000	14.500.000	TT Plei

	đất trồng cây lâu năm							Kàn
		188,80	9	1,75	15,75	157.500	29.736.000	Các xã
4	Chi cho thu hồi đất rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng	98,61	4,5	1,3	5,85	58.500	5.768.685	Các xã
5	Chi cho thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	0,24	16	1,75	28	280.000	67.200	TT Plei Kàn
		0,58	14	1,45	20,3	203.000	117.740	Các xã
6	Chi cho thu hồi đất ở tại nông thôn	0,43	250	1,21	302,5	3.025.000	1.300.750	Các xã
7	Chi cho thu hồi đất ở tại đô thị	3,67	650	1,37	890,5	8.905.000	32.681.350	TT Plei Kàn
8	Chi hỗ trợ cho thu hồi đất nông nghiệp	523,76			19,89	596.667	312.510.133	(gấp 3 lần giá đất thu hồi)

* Cân đối thu - chi: + 239.720.082.000 đồng (Hai trăm ba mươi chín tỷ, bảy trăm hai mươi triệu, không trăm tám mươi hai nghìn đồng).

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.

4.1.1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

Trong sản xuất nông nghiệp cần áp dụng các biện pháp canh tác luân canh, đầu tư cân đối các loại phân bón, trong đó chú trọng bón các loại phân hữu cơ, phân vi sinh để cải tạo độ phì nhiêu đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Khuyến khích hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo nâng cao độ phì của đất, bảo vệ tầng đất canh tác, ngăn ngừa giảm thiểu thoái hóa đất.

Tiến hành các giải pháp giảm thiểu sạt lở như điều tra xây dựng giải pháp kỹ thuật, phòng chống sạt lở và ngập lụt những vùng trũng yếu vào mùa mưa.

Giám sát kỹ quá trình triển khai các dự án khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng để đảm bảo khai thác có hiệu quả nhưng phải hạn chế tác động xấu đến môi trường, phục hồi môi trường và hoàn nguyên sau khai thác. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động xử lý nước thải của các cơ sở sản xuất, khu vực khai thác khoáng sản nhằm ngăn ngừa, hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Thu hút đầu tư có chọn lọc và kiên quyết không cấp giấy phép cho các nhà đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

4.1.2. Giải pháp về bảo vệ môi trường và thích ứng với Biến đổi khí hậu

Xây dựng và thực hiện đạt hiệu quả các chỉ tiêu về tăng trưởng xanh trong hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác quan trắc môi trường để cảnh báo ô nhiễm môi trường, kiên quyết không cho phép các nhà đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường.

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom và xử lý chất thải, hệ thống thoát nước tại các khu, cụm công nghiệp. Kiểm soát các nguồn thải gây ô nhiễm nước, thiết lập hành lang bảo vệ nguồn nước theo qui định của pháp luật.

Nghiên cứu các loại giống cây trồng có khả năng chống chịu hạn hán, ngập úng nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu trong tương lai.

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, coi quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội.

- Xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất; quản lý chặt chẽ diện tích đất trồng lúa được quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, bảo đảm khi cần thiết có thể quay lại trồng lúa được. Điều tiết

phân bổ nguồn lực bảo đảm lợi ích giữa các địa phương có điều kiện phát triển công nghiệp với các địa phương phát triển nông nghiệp; tăng đầu tư hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, xây dựng các cơ sở bảo quản, chế biến, tiêu thụ hàng hóa tại địa phương có quỹ đất nông nghiệp lớn; cụ thể hóa chính sách và các biện pháp phù hợp để giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập, để người sản xuất nông nghiệp yên tâm sản xuất.

- Tăng cường công tác trồng rừng, giao đất giao rừng tới các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhằm bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn.

- Các dự án có thu hồi đất trồng lúa phải có phương án sử dụng lớp đất mặt thuộc tầng canh tác để cải tạo các vùng trồng lúa kém chất lượng. Bố trí quỹ đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế, an sinh xã hội phải ưu tiên quy hoạch tại những khu vực khả năng canh tác khó khăn, năng suất thấp.

- Có chính sách thỏa đáng tiếp tục khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo, nâng cao độ phì của đất. Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai thực tế nhằm nâng cao độ phì nhiêu của đất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp, tránh khai thác quá mức làm thoái hóa đất. Nghiên cứu chuyển giao các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các loại thuốc trừ sâu, hóa chất bảo vệ thực vật.

- Tập trung ưu tiên ứng dụng các thành tựu công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ sinh học, ứng dụng đưa vào sản xuất những giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao và có giá trị kinh tế phù hợp với điều kiện địa phương để khai thác tốt quỹ đất nông nghiệp. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng lựa chọn những giống có khả năng thích ứng cao với tác động bất lợi của biến đổi khí hậu.

- Đầu tư xây mới và nâng cấp các công trình thủy lợi; xây dựng, cải tạo hệ thống trạm bơm điện, cống đầu mối, kiên cố hoá kênh mương, củng cố đê điều tăng cường khả năng chống lũ, thoát nước, bảo vệ sản xuất.

- Thực hiện việc đổi mới và đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên; phát huy vai trò, trách nhiệm của chính quyền cơ sở, các tổ chức chính trị, xã hội và mỗi người dân trong việc tham gia vào công tác bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên trên địa bàn huyện.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất đạo đức tốt và năng lực để đáp ứng nhiệm vụ theo sự phát triển của địa phương;

- Khuyến khích học nghề, truyền nghề cho lực lượng lao động bằng nhiều hình thức thích hợp. Đề nghị các doanh nghiệp trên địa bàn ưu tiên sử dụng lao động là người địa phương;

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách, vốn doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết; Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư tại các điểm, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện;

- Huy động tối đa các nguồn vốn hợp pháp từ Trung ương, ngân sách tỉnh cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đầu tư tập trung, có trọng điểm vào các dự án nông nghiệp, công nghiệp sản xuất sạch, thân thiện với môi trường.

- Thực hiện thu chi ngân sách hợp lý, tạo thêm nguồn vốn từ quỹ đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

- Mở rộng hình thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng quy mô nhỏ, phục vụ dân sinh, nhất là các hệ thống giao thông, thủy lợi,... Đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

*** Giải pháp tổ chức thực hiện:**

Trên cơ sở Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm công bố công khai kế hoạch của huyện trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện

- Phòng Tài Nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023. Tham mưu cho UBND huyện ban hành các quyết định về đất đai và chỉ đạo các xã thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 theo luật định. Kiên quyết không giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích đất không phù hợp với kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt;

- Các xã, thị trấn căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện đã được phê duyệt để triển khai thực hiện công tác quản lý đất đai trên địa bàn theo đúng các quy định của Luật Đất đai;

- Các ban, ngành và các địa phương cấp huyện bám sát vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện đã được phê duyệt tổ chức thực hiện, đôn đốc các tổ chức sử dụng đất do ngành quản lý thực hiện các thủ tục về đất đúng tiến độ và đúng theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Trường hợp có phát sinh các nhu cầu về đất, cần tiến hành các thủ tục đăng ký, xin chủ trương và xem xét để bổ sung

vào kế hoạch sử dụng đất trong năm 2023 trước khi triển khai thực hiện;

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn huyện cần nhanh chóng tiến hành các thủ tục theo quy định để được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được phê duyệt;

- Định kỳ hàng năm UBND huyện có báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất để Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu tổng hợp cho UBND tỉnh Kon Tum báo cáo Chính phủ.

*** Giải pháp giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất**

- Nâng cao hiệu quả giám sát của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị xã hội trong công tác quản lý đất đai, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến việc tiếp thu, giải quyết tốt những ý kiến, kiến nghị, phản ánh của cử tri về công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện.

- Thanh tra, kiểm tra về quản lý và sử dụng đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai nhất là vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Kiên quyết thu hồi các diện tích đất đã giao cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhưng chưa sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả theo quy định của pháp luật;

4.4. Các giải pháp khác.

4.4.1. Giải pháp về cơ chế chính sách

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ, đồng bộ đúng theo qui định Luật Đất đai và các văn bản Luật có liên quan, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai, đầu tư, xây dựng. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật, đảm bảo cho việc sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Thực hiện công khai minh bạch các dự án đầu tư, từ lúc giao dự án và quá trình triển khai thực hiện dự án để cộng đồng cùng kiểm tra, giám sát;

- Quan tâm và giải quyết tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời thực hiện chính sách đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp để ổn định đời sống cho các hộ khi bị thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4.4.2. Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật

- Ứng dụng các loại giống cây trồng chịu hạn, giống ngắn ngày vào sản xuất để tiết kiệm nước tưới trong sản xuất nông nghiệp.

- Đầu tư xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu đất nông nghiệp để doanh nghiệp, HTX, nhà đầu tư và các tổ chức, cá nhân khai thác thông tin đầu tư sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương.

- Trong sản xuất công nghiệp - TTCN; chế biến nông, lâm sản phải áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại để hạn chế tác hại của chất thải gây ô nhiễm đất canh tác, nguồn nước và môi trường xung quanh

- Ưu tiên đầu tư công nghệ tiên tiến về xử lý nước thải, rác thải; tái chế rác thải cho cụm công nghiệp

- Đầu tư hệ thống thông tin về đất đai, ứng dụng công nghệ viễn thám trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai và hội nhập quốc tế.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Phương án Kế hoạch sử dụng đất của huyện được xây dựng dựa trên cơ sở đánh giá thực trạng sử dụng đất hiện nay và được xây dựng trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021- 2030 huyện Ngọc Hồi được phê duyệt tại Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 của UBND tỉnh Kon Tum; Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Ngọc Hồi được phê duyệt tại Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 19/05/2022 của UBND tỉnh Kon Tum. Vì vậy, có thể đáp ứng đúng, đủ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các cấp, phù hợp với mục tiêu chung về phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, huyện đảm bảo khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên đất đai.

Tổng hợp đầy đủ các thông tin, nhu cầu sử dụng đất của các địa phương, ngành, lĩnh vực. Nhu cầu sử dụng đất được cân đối phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của từng xã, thị trấn cũng như trên địa bàn huyện đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả trong sử dụng đất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các phòng ban, các dự án đầu tư, các dự án quy hoạch chuyên ngành và cân đối phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của địa phương đảm bảo chi tiết theo yêu cầu và cụ thể theo từng công trình, từng loại đất. Do được tổng hợp đầy đủ các thông tin từ các cấp, các ngành, các phòng ban, đồng thời cân đối với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, nên hoàn toàn phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế của địa phương và là căn cứ pháp lý để các ngành, các địa phương trên địa bàn huyện thực hiện các công trình dự án theo quy định.

2. KIẾN NGHỊ

Để thực hiện đạt kết quả tốt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện, đáp ứng kịp thời cho nhu cầu quản lý, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, UBND huyện Ngọc Hồi kính trình UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ngọc Hồi nhằm đưa công tác quản lý và sử dụng đất của địa phương ngày càng tốt hơn./.